



# SÀN SỎI POLYASPARTIC

**Ứng dụng:** Trang trí phần sàn

**Sản phẩm:** Sàn sỏi polyaspartic RHINOZ Flexible Sand Floor

## Sổ tay Thi công



**BLUE LABEL Co.,Ltd.**

48/58 Moo 1 Ekachai rd. Khok-krabue, Mueng,  
Samutsakhon, 74000 THAILAND

Tel: (+66) 34-494-774 [www.rhinozinternational.com](http://www.rhinozinternational.com)



[Rhinoz International](#) 🔍



[bluelabel.innovation](#) 🔍

# CONTENT:

INTRODUCTION.....	3 - 4
TRAINING AGENDA.....	5
PRODUCTS, TOOLS & EQUIPMENT.....	6 - 12
IMPORTANT CONSIDERATIONS.....	13 - 14
DECORATIVE APPLICATION METHOD.....	15 – 19
PRE-INSPECTION CHECKLIST.....	20 - 21
QUALITY INSPECTION CHECKLIST.....	22 - 24
TECHNICAL DATA SHEET.....	
-RF-261 FLEXI SAND PRIMER.....	25
-RF-224 FLEXI SAND.....	26
-RF-260 ALU FIX.....	27
-RF-269 ANTI STICK.....	28
MATERIAL SAFETY DATA SHEET.....	
-RF-261 FLEXI SAND PRIMER.....	29 - 42
-RF-224 FLEXI SAND.....	43 - 61
-RF-260 ALU FIX.....	62 - 74
-RF-269 ANTI STICK.....	75 - 80
PRODUCT TESTING REPORT.....	
-RF-224 FLEXI SAND.....	81 - 84
APPENDIX .....	
-QAP FLYER.....	85
-QAP APPLICATION FORM.....	86
NOTE.....	87

# GIỚI THIỆU:

## Về Tập đoàn Blue Label

Sau hơn 50 năm nghiên cứu và phát triển cùng với các đối tác chiến lược tại Châu Âu và Mỹ, Blue Label đã sáng chế và phát triển nhiều loại vật liệu mang đến các giải pháp kỹ thuật và kiến trúc độc đáo đáp ứng tiêu chuẩn cao về an toàn sức khỏe con người và bảo vệ môi trường.

Với nhãn hiệu RHINOZ, Blue Label cam kết mang lại cho khách hàng giải pháp sơn trang trí độc đáo, dễ thi công.

## Chương trình QAP

Chào mừng bạn đã đến với chương trình QAP – Qualified Applicator Program của Rhinoz. QAP là chương trình đào tạo và cấp chứng chỉ cho các nhà thầu thi công nhằm bảo đảm chất lượng dịch vụ thi công phù hợp với các tiêu chuẩn của Rhinoz. Với mục tiêu cung cấp dịch vụ có chất lượng và bảo đảm sự hài lòng thỏa mãn của khách hàng, nhà thầu thi công phải tham gia khóa đào tạo và tuân thủ các hướng dẫn, từ khâu lựa chọn giải pháp vật liệu đến thi công và bàn giao.

Cuốn sổ tay thi công này bao gồm các hướng dẫn thi công các dạng sản phẩm polyaspartic **RHINOZ Flexi Sand** theo tiêu chuẩn chung, bao gồm các thông tin và tài liệu mới nhất về hệ sơn tường trang trí.

Với tư cách là nhà thầu thi công đã tham gia chương trình QAP của RHINOZ, bạn đã cam kết suy trì tiêu chuẩn cao của Rhinoz về thi công sản phẩm polyaspartic **RHINOZ Flexi Sand**. Mục tiêu là giúp bạn:

- Hiểu về sản phẩm và quy trình thi công
- Thi công và kiểm tra quy trình thi công theo tiêu chuẩn của Rhinoz
- Có khả năng phân tích và giải quyết vấn đề liên quan đến sản phẩm và thi công

Bạn có thể tìm hiểu thêm thông tin về giải pháp của Rhinoz và đặc tính sản phẩm tại [www.rhinozinternational.com](http://www.rhinozinternational.com).

# GIỚI THIỆU:

## Mô tả

Giải pháp sàn sỏi trang trí, đa dạng về màu sắc, hiệu ứng, áp dụng cho nhà ở dân dụng, thương mại, phù hợp cho cả trong nhà và ngoài trời, đặc biệt là khu vực có tải trọng giao thông thấp và ngoài trời.

## Ứng dụng

- Lối đi
- Sân chơi
- Cầu thang bộ
- Đường dạo sân vườn

## Tính năng / Ưu điểm

- Đàn hồi, chống nứt
- Bám dính tốt
- Cho nước đi qua
- Kháng tia UV và bền thời tiết
- Bền màu
- Kháng rêu mốc
- Dễ thi công

## Bề mặt thi công

- Bê tông





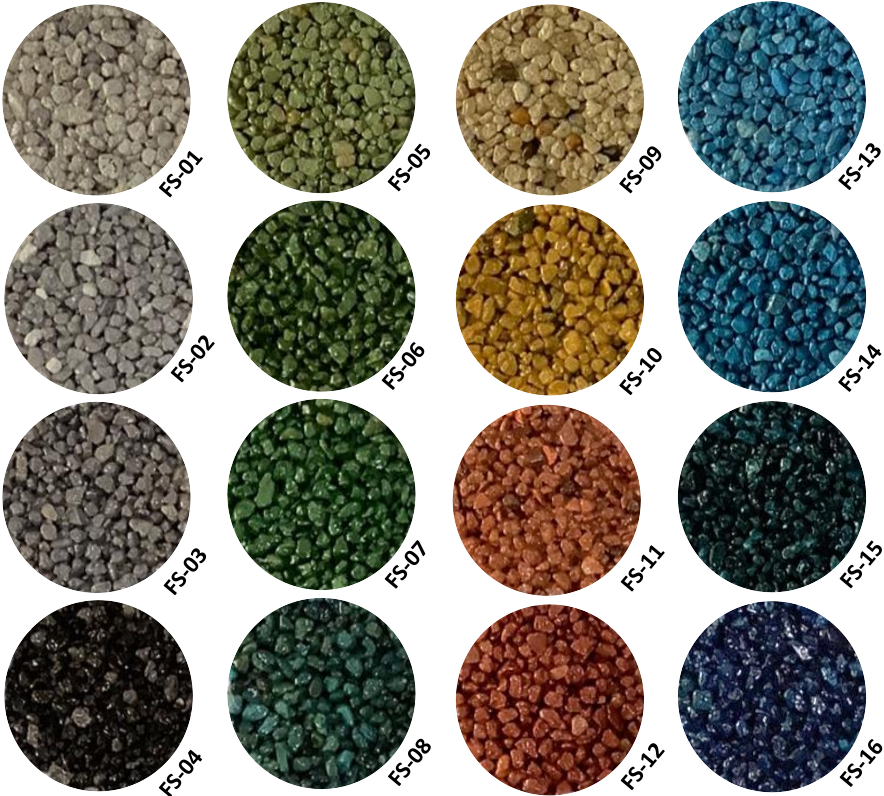
# SẢN PHẨM:

Sản phẩm	Đóng gói
<p>Sơn lót RF-261 RHINOZ Flexi Sand Primer</p> <p>Sơn lót gốc epoxy, ngăn ẩm và tăng cường bám dính</p> <p>Đóng gói: Bộ 2 kg</p> <p>Màu sắc: Part A: Clear Part B: Light Brown</p> <p>Định mức: 8-10 m<sup>2</sup>/kg</p> <p>Chiều dày lớp màng khi ướt: 100 micron</p> <p>Tỷ lệ trộn: Part A/B: 3/1 theo trọng lượng</p>	
<p>Sỏi nhuộm màu RF-224 RHINOZ Flexi Sand</p> <p>Sỏi tự nhiên cùng với keo polyaspartic</p> <p>Đóng gói: Bộ 28 kg</p> <p>Màu sắc: Part A: Yellow, Part B: Cloudy Part C: Sand (xem bảng màu)</p> <p>Định mức: 3-3.5 m<sup>2</sup>/ Bộ 28 kg</p> <p>Chiều dày lớp khi ướt: 4 mm</p>	
<p>Cánh khuấy chuyên dụng AB-005 RHINOZ Paddle Mixer</p> <p>Dùng trộn sơn lót</p> <p>Ø116 mm</p>	
<p>Keo epoxy gắn nẹp nhôm RF-260 RHINOZ Alu-Fix</p> <p>Keo AB-033 RHINOZ dùng gắn nẹp nhôm vào sàn</p> <p>Đóng gói: 30 ml cartridge, Bộ 2 kg</p> <p>Định mức: 4-5 m/30 ml, 260-270 m<sup>2</sup>/kg</p>	

# SẢN PHẨM:

Sản phẩm	Đóng gói
<p>Nẹp chữ T AB-033 RHINOZ Aluminum Groove</p> <p>Có thể uốn cong, dùng phân chia các mảng màu trang trí</p>	
<p>Nẹp U AB-033 RHINOZ Aluminum Groove</p>	
<p>Nẹp mép AB-033 RHINOZ Aluminum Groove</p> <p>Dùng bo mép</p>	
<p>Nẹp viền AB-033 RHINOZ Aluminum Groove</p> <p>Aluminum Groove G-04 Type- Corner dùng bo viền cầu thang bộ</p>	
<p>Sơn chống dính RF-269 RHINOZ Anti-Stick</p> <p>Dùng lau bay chống dính khi miết sỏi RF-224 RHINOZ Flexi Sand</p> <p>Đóng gói: Can 0.5 lit, 1 lit, 4 lit</p> <p>Định mức: 20-30 m<sup>2</sup>/lit</p>	

# Bảng màu sản phẩm:



RHINOZ Flexi Sand Color Chart

# CÔNG DỤNG CỤ: CÔNG DỤNG CỤ THI CÔNG



**Máy mài bê tông**  
Để mài chuẩn bị mặt bằng



**Lưỡi mài, lưỡi cắt**  
Để cắt nẹp nhôm



**Máy hút bụi**



**Khoan tay**  
Để trộn sơn lót và sỏi



**Khay đựng sơn lót**



**Lu lăn sơn lót**



# CÔNG DỤNG CỤ: CÔNG DỤNG CỤ THI CÔNG



**Cánh khuấy**  
Để trộn sỏi RF-224  
RHINOZ Flexi Sand



**Máy trộn**  
Để trộn sỏi RF-224  
RHINOZ Flexi Sand



**Thùng nhựa  
(80 L)**  
Để trộn sỏi RF-224  
RHINOZ Flexi Sand



**Bàn bả**



**Dao bay**



**Dao trở**



**Giày đinh**

# CÔNG DỤNG CỤ:

## CÔNG DỤNG CỤ KIỂM TRA



Máy đo nhiệt độ bề  
mặt



Máy đo độ ẩm

## CÔNG DỤNG CỤ LÀM SẠCH



Dung môi  
Để vệ sinh công dụng cụ



Xô, rẻ lau  
Để vệ sinh

## BĂNG CẢNH BÁO THI CÔNG, VẢI BẠT



Bạt che



Băng dính giấy



Băng cảnh báo thi công

# TRANG THIẾT BỊ BẢO HỘ (PPE):



**Găng tay**  
Để bảo vệ tay



**Kính bảo hộ**  
Để tránh bị dị ứng mắt



**Khẩu trang**  
Để tránh dị ứng mũi



**Mũ cứng**  
Để giảm tránh vật rơi



**Giày bảo hộ**  
Để tránh chấn thương



**Áo phản quang**



**Đai an toàn**  
Khi làm việc trên cao

# LƯU Ý QUAN TRỌNG:

## Điều kiện bề mặt và môi trường

Bề mặt thi công phải chắc, sạch và không có dầu mỡ, nước đọng. Với bề mặt cũ, phải vệ sinh sạch bụi bẩn, chất gây ô nhiễm, mài đến bề mặt đặc chắc.

Điều kiện môi trường khi thi công phải bảo đảm:

Nhiệt độ thi công: 5-40°C

Nhiệt độ môi trường: 10-40°C

Nhiệt độ bề mặt: 15-50°C

Độ ẩm tương đối: ≤70%

Độ ẩm bề mặt: ≤15%

Độ ẩm bề mặt:

-Trước khi thi công lớp lót RF-261 RHINOZ Flexi Sand Primer: ≤15%

-Trước khi thi công lớp sỏi RF-224 RHINOZ Flexi Sand: ≤6% (Nếu độ ẩm bề mặt >6% sau 6 giờ, thi công thêm 1 lớp lót RF-261 RHINOZ Flexi Sand Primer)

Nếu không tuân thủ các quy định nêu trên về điều kiện môi trường khi thi công, chất lượng thi công có thể bị ảnh hưởng.

## Chuẩn bị bề mặt

Bề mặt thi công phải được vệ sinh sạch bằng bay hoặc máy mài. Dùng máy thổi để thổi bụi. Cần phải xử lý bề mặt trong các trường hợp sau:

Bề mặt nền cũ, rỗng xốp, không đặc chắc:

Lớp bề mặt không đặc chắc phải được mài bỏ (cường độ bám dính bề mặt phải ≥1 mpa)

Vị trí khe nối (phi kết cấu):

Mài mặt bằng máy mài để tạo chiều sâu tối thiểu 1 mm và rộng tối thiểu 5cm. Đối với khe nối rộng, trám bằng vữa sửa chữa. Sau khi vệ sinh kỹ bề mặt, thi công lớp lót RF-143 RHINOZ Primer Bonding và chờ khô 15-30 minutes. Xử lý khe nối bằng keo FX-55 và chờ khô 1-2 giờ.

Ghi chú: Nứt kết cấu có thể sẽ vẫn tiếp tục phát triển sau khi đã xử lý.

Nứt kết cấu:

Tham khảo kỹ sự tư vấn để có giải pháp cụ thể.

Bề mặt lồi lõm:

Sau khi vệ sinh sạch, quét lót RF-143 RHINOZ Primer Bonding và chờ khô 15-30 phút, phủ lớp tăng cường bề mặt và chờ khô 24 giờ.

# LƯU Ý QUAN TRỌNG:

## **Hạn chế**

Không dùng cho khu vực có hóa chất, dầu nhờn, sàn ngập nước, bãi đậu xe hoặc sàn công nghiệp có chà sát lớn.

## **An toàn và bảo vệ môi trường**

Cần tuân thủ quy định về an toàn lao động như mặc đồ bảo hộ lao động khi thi công. Đọc kỹ các tài liệu sản phẩm, MSDS liên quan đến việc vận chuyển, lưu kho và đổ thải.

## **Vệ sinh công dụng cụ**

Công dụng cụ phải được vệ sinh sạch ngay sau khi sử dụng bằng nước. Không nên để vật liệu dính trên dụng cụ cho đến khi khô.

## **Lưu kho**

Lưu kho ở nơi thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Bảo quản ở nhiệt độ 5°C đến 40°C.

Lưu ý: Để tránh xa nguồn lửa.

## **Bảo trì**

Thường xuyên vệ sinh bằng nước và dung dịch khử mỡ hoặc chất tẩy không chứa acid hoặc dung môi.

Do lớp bảo vệ bị rửa trôi theo thời gian, có thể thi công 1 lớp phủ RF-285 RHINOZ Plasguard PLA-751 (Polyaspartic Clear Sealer) để duy trì hiệu quả của lớp phủ.

Vị trí bị hư hỏng có thể vá lại theo quy trình thi công mới.

## **Lưu ý khi thi công**

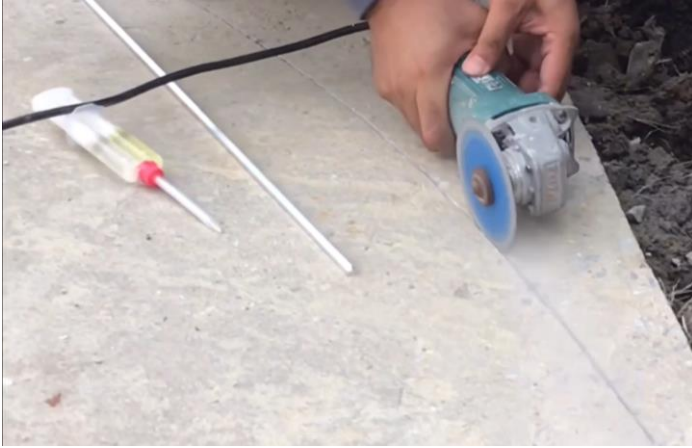
Tránh nguồn sinh lửa.

Nếu thi công khi gặp mưa mà đã có đủ thời gian chờ giữa các lớp, hãy kiểm tra lại, nếu vẫn bảo đảm, có thể tiến hành thi công lớp tiếp theo sau khi bề mặt đã khô.

Không pha thêm nước.



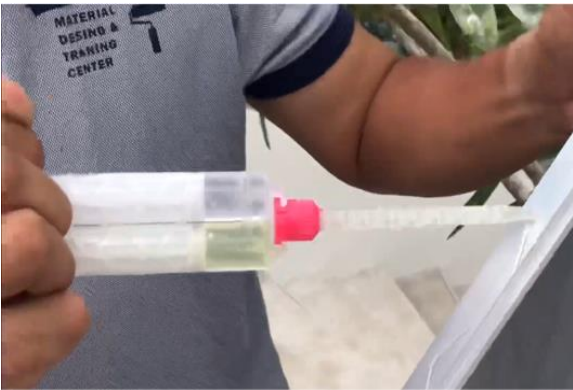
# THI CÔNG SÀN SỎI FLEXI SAND:



## **Bước 1: Chuẩn bị bề mặt**

Bề mặt thi công phải đặc chắc, không có bụi bẩn và dầu mỡ. Dùng máy cắt để cắt và lắp T nhôm. Vệ sinh khe bằng máy thổi bụi.

# THI CÔNG SÀN SỎI FLEXI SAND:



## Bước 2: Lắp nẹp nhôm

Dùng máy cắt để cắt nẹp nhôm theo chiều dài yêu cầu.

Đối với nẹp *G-01 Type-T* và *G-02 Type-U*, dùng keo **RF-260 RHINOZ Alu-Fix** để gắn vào sàn. Ấn và chờ 1-2 phút. Chờ khô 30 phút đến 1 giờ.

Dùng nẹp *G-03 Type-Edge* và *G-04 Type-Corner* cho mép dốc. dùng keo **RF-260 RHINOZ Alu-Fix** để gắn vào sàn. Ấn và chờ 1-2 phút. Chờ khô 30 phút đến 1 giờ..

Lưu ý trộn lượng vừa đủ để tránh keo bị khô.

# THI CÔNG SÀN SỎI FLEXI SAND:



## Bước 3: Trộn sơn lót

Trộn Part A và B theo tỷ lệ Part A/B = 3/1 theo trọng lượng ở tốc độ thấp <300 vòng/phút. Chờ 3-5 phút để loại bọt khí trước khi thi công.



## Bước 4: Thi công lớp lót

Thi công lớp lót **RF-261 RHINOZ Flexi Sand Primer** bằng chổi hoặc lu lăn để làm lớp lót và ngăn ẩm. Chờ khô 2-4 giờ.



# THI CÔNG SÀN SỎI FLEXI SAND:



## Bước 5: Trộn sỏi Flexi Sand

Trộn Part A và B theo tỷ lệ  $A/B = 3/1$  theo trọng lượng bằng máy trộn trong 1-2 phút, trong lúc trộn, cho từ từ Part C và trộn thêm 2-3 phút cho đến khi đồng nhất.



## Bước 6: Thi công sàn sỏi Flexi Sand

Đổi sỏi **RF-224 RHINOZ Flexi Sand** ra khu vực cần thi công. Dùng bay cán đều và phẳng. Đi dày định để tránh đi lên nền sỏi ướt và để thi công khu vực xa và khó tiếp cận.

# THI CÔNG SÀN SỎI FLEXI SAND:



## Bước 7: Miết mặt sỏi Flexi Sand

Đổ dầu chống dính **RF-269 RHINOZ Anti-Stick** vào khay, nhúng bay vào dung dịch chống dính để tránh cho sỏi dính vào bay khi miết. Dùng bay ấn và miết nhẹ để tạo ra bề mặt đồng đều. Chờ khô 24 giờ trước khi sử dụng.



# CHECKLIST KIỂM TRA TRƯỚC KHI THI CÔNG (1/2):

RHINOZ Flexible Sand Floor

Tên công ty	
Địa chỉ	
Tên nhà thầu	
Ngày	

## Chuẩn bị

No.	Yêu cầu	Please Tick (√)
1.	Bảo quản sản phẩm trong dải nhiệt độ 5-40°C.)	
2.	Công dụng cụ thi công trong tình trạng hoạt động tốt	
3.	Dụng cụ kiểm tra hoạt động tốt	
4.	Có đủ dụng cụ vệ sinh, làm sạch	
5.	Có đủ dụng cụ bảo vệ khu vực thi công	
6.	Có đủ đồ bảo hộ lao động	
7.	Có đủ nguồn điện và nước	

# CHECKLIST KIỂM TRA TRƯỚC KHI THI CÔNG (2/2):

RHINOZ Flexible Sand Floor

Tên công ty	
Địa chỉ	
Tên nhà thầu	
Ngày	

## **Điều kiện bề mặt và môi trường**

No.	Yêu cầu	Please Tick (✓)
1.	Bề mặt thi công không có bụi bẩn, dầu mỡ.	
2.	Bề mặt thi công đặc chắc.	
3.	Các khe nối phải được xử lý đúng phương pháp	
4.	Các vị trí lồi lõm đã được xử lý	
5.	Nhiệt độ môi trường 10-40°C.	
6.	Nhiệt độ bề mặt 15-50°C.	
7.	Độ ẩm tương đối $\leq 70\%$ .	
8.	Độ ẩm bề mặt trước khi thi công lớp lót $\leq 15\%$ .	
9.	Độ ẩm bề mặt trước khi thi công sỏi RF-224 RHINOZ Flexi Sand $\leq 6\%$ .	

# CHECKLIST KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG

(1/3):

## Sàn sỏi polyaspartic

Tên công ty	
Địa chỉ	
Tên nhà thầu	
Ngày	

### Công tác chuẩn bị

No.	Yêu cầu	Please Tick (√)
1.	Bề mặt thi công đặc chắc	
2.	Bề mặt thi công không có bụi bẩn, dầu mỡ	
3.	Nhiệt độ và độ ẩm bề mặt theo yêu cầu	
4.	Các vết nứt được xử lý đúng cách	
5.	Các vị trí lồi lõm được xử lý đúng cách	

### Khe nối

No.	Yêu cầu	Please Tick (√)
1.	Các khe nối được xử lý và gia cố đúng Phương pháp	

# CHECKLIST KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG (2/3):

## RHINOZ Flexible Sand Floor

Tên công ty	
Địa chỉ	
Tên nhà thầu	
Ngày	

### Quá trình trộn

No.	Yêu cầu	Please Tick (√)
1.	Không cho thêm nước vào hỗn hợp	
2.	Toàn bộ hỗn hợp được trộn đều	

### Nẹp nhôm

No.	Yêu cầu	Please Tick (√)
1.	Nẹp nhôm được lắp chắc chắn.	
2.	Nẹp nhôm được lắp theo thiết kế	

### Sơn lót

No.	Yêu cầu	Please Tick (√)
1.	Toàn bộ khu vực thi công được phủ lót.	
2.	Chờ khô đủ 2-4 giờ	

# CHECKLIST KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG

(3/3):

## Sàn sỏi RHINOZ Flexible Sand Floor

Tên công ty	
Địa chỉ	
Tên nhà thầu	
Ngày	

### **Flexi Sand**

No.	Yêu cầu	Please Tick (✓)
1.	Bề mặt hoàn thiện theo thiết kế	
2.	Bề mặt phẳng và nhẵn	
3.	Chờ khô 24 giờ trước khi sử dụng	

### **Độ sạch**

No.	Độ sạch	Please Tick (✓)
1.	Công dụng cụ thi công phải sạch sẽ	
2.	Khu vực thi công phải sạch và gọn gàng	



# TECHNICAL DATA SHEET:



BLUE LABEL CO.,LTD.

48/58 Moo.1 Ekachai Road, Khok-Krabue, Amphur Muang, Samutsakhon, 74000 Thailand  
Tel : +66 3449 4774-5 Fax : +66 3449 4776 Website : www.bluelabelgroup.com

*Technical Data Sheet*

RHINOZ – Innovation Special Products

## **RHINOZ**<sup>®</sup> RF-261 **RHINOZ Flexi Sand Primer**

### FEATURES

- Low odor
- Low viscosity
- Good penetration
- Excellent adhesion
- Water and mild chemical resistance
- Moisture and fungus resistance
- Increase adhesion between existing and new surfaces
- Can be applied on dry or slightly damp surfaces

### DESCRIPTIONS

It is two components epoxy primer that dries to form a smooth and clear film. It is low odor, low viscosity and good penetration. It can be applied on dry surfaces and slightly damp surfaces with excellent adhesion. It is good water and chemical resistance, increase adhesion between existing surfaces and new surfaces. It can use for sealing porous and protect moisture from surfaces. It is easy to apply by brush or roller and it is suitable to primer for concrete, masonry and plaster prior to painting or applying top coating

### APPLICATION

1. Surfaces must be clean, dry, structurally sound and free from other materials that will have effect on adhesion
2. Mix **RHINOZ Flexi Sand Primer**, Part-A/B = 3/1 part by weight and stir homogeneously by mixer before use
3. Apply 1 coat of **RHINOZ Flexi Sand Primer** then leave to dry for 2 - 4 hours
4. Mix **RHINOZ Flexi Sand** with ratio Part A/B/C = 1/1/26 part by weight and stir thoroughly before usage
5. Pour **RHINOZ Flexi Sand** onto the desired area, then press it to be smooth and firmly with trowel
6. Leave to dry for 24 hours before use and it will be completely cured in 7 days

### PACKING SIZE

2 kg./set

### STORAGE

Store in a dry place and avoid for fires or source of ignition with shelf life 1 year in the original unopened packing

### TECHNICAL DATA

Base	:	(A) Epoxy	(B) Hardener
Appearance	:	(A) Clear liquid	(B) Light brown liquid
Finish	:	Smooth and clear film	
Mixing ratio	:	A/B = 3/1 part by weight	
Pot life	:	approx. 8 hours	
Surface dry	:	approx. 1 hours	( Depending on thickness and ambient conditions )
Re-coat time	:	approx. 2 - 4 hours	( Depending on thickness and ambient conditions )
Coverage	:	approx. 8 - 10 m <sup>2</sup> /kg./coat ( thickness 100 microns )	

DISCLAIMER : The information in this data sheet is given to the best of our knowledge based on laboratory testing and practical experience. However, as the product is often used under conditions beyond our control, we cannot guarantee anything but the quality of the product itself. We reserve the right to change the given data without notice.

Rev. 16/07/2021

Page 1 of 1

# TECHNICAL DATA SHEET:



BLUE LABEL CO.,LTD.

48/58 Moo.1 Ekachai Road, Khok-Krabue, Amphur Muang, Samutsakhon, 74000 Thailand

Tel : +66 3449 4774-5 Fax : +66 3449 4776 Website : www.bluelabelgroup.com

*Technical Data Sheet*

RHINOZ – Innovation Special Products

## **RHINOZ<sup>®</sup> RF-224** **RHINOZ Flexi Sand**

### FEATURES

- Easy to use with the trowel
- Long lasting colour
- Good adhesion
- High strength and durability
- Can cover cracks
- Water & mild chemical resistance
- Good weather resistance
- Interior and exterior use

### DESCRIPTIONS

RHINOZ Flexi Sand is specially formulated as a decorative textured coating which gives sand finish.

The product gives natural effect of sand and stone particles, with a property of durability, long lasting colour.

It can be applied easily with trowel, ideal for interior and exterior floors and suitable for both new and existing concrete surface. It is good weather resistance, water & mild chemical resistance, covers cracks well and gives high strength.

### APPLICATION

1. Surfaces must be clean, dry, structurally sound, and free from other materials that will have effect on adhesion
2. Apply 1 coat of **RHINOZ Flexi Sand Primer** then leave to dry for 2 - 4 hours
3. Mix **RHINOZ Flexi Sand** with ratio Part A/B/C = 1/1/26 part by weight and stir thoroughly before usage
4. Pour **RHINOZ Flexi Sand** onto the desired area, then press it to be smooth and firmly with trowel
5. Leave to dry for 24 hours before use and it will be completely cured in 7 days

### PACKING SIZE

28 kg./set

### STORAGE

Store in a dry place with shelf life 1 year in the original unopened packing

### TECHNICAL DATA

Base	:	(A) Polyaspartic polyurea resin	(B) Aliphatic polyisocyanate	(C) Sand
Appearance	:	(A) Yellowish liquid	(B) Cloudy liquid	(C) Coloured sand
Density	:	(A) 1.0 g/cm <sup>3</sup>	(B) 1.0 g/cm <sup>3</sup>	(C) 1.5 g/cm <sup>3</sup>
Density after mixing	:	1.6 g/cm <sup>3</sup>		
Mixing ratio	:	Part A/B/C = 1/1/26 part by wt.		
Bucket life	:	1 - 2 hours ( Depending on ambient conditions )		
Dry time to walk on	:	24 hours ( Depending on thickness and ambient conditions )		
Full cure time	:	7 days ( Depending on thickness and ambient conditions )		
Coverage	:	8 kg/m <sup>2</sup> /5 mm.		

DISCLAIMER : The information in this data sheet is given to the best of our knowledge based on laboratory testing and practical experience. However, as the product is often used under conditions beyond our control, we cannot guarantee anything but the quality of the product itself. We reserve the right to change the given data without notice.

Rev. 25/03/2022

Page 1 of 1

# TECHNICAL DATA SHEET:



BLUE LABEL CO.,LTD.

48/58 Moo.1 Ekachai Road, Khok-Krabue, Amphur Muang, Samutsakhon, 74000 Thailand  
Tel : +66 3449 4774-5 Fax : +66 3449 4776 Website : www.bluelabelgroup.com

Technical Data Sheet

RHINOZ – Innovation Special Products

## **RHINOZ**<sup>®</sup> RF-260 **RHINOZ** Alu-Fix

### FEATURES

- Easy to apply and versatile application
- High early strength
- Excellent adhesion strength
- Adhere on many substrates
- Hardens without shrinkage
- Good water and chemical resistance
- Horizontal and vertical applications
- Apply on dry or slightly damp surface

### DESCRIPTIONS

It is solvent free, 2 components epoxy adhesive. It is high bonding and tensile strength and it hardens without shrinkage. It is easy to apply and versatile application. It is suitable to bonding many kinds of materials like concrete, metal, stone, tile and wood. It is suitable for vertical or horizontal applications, especially for aluminum groove installation, including anchoring bolts, threaded rods and rebar dowels into concrete and masonry substrates. It can be used on dry or slightly damp surfaces.

### APPLICATION

1. The surface must be clean, free of dust, oil, grease and other contaminants that will affect the adhesion
2. Mix Part A/B=1/1 by weight, should mix only enough that can be used in time before the adhesive hardens
3. Apply adhesive onto the material or the desired area with a trowel or spatula
4. Install the material and press firmly without any movement for about 1-2 minutes
5. Let it dry for at least 1 hour before proceeding with the next step

### PACKING SIZE

30 ml. cartridges set  
2 kg./set

### STORAGE

Store in a dry place with shelf life 1 year in the original unopened packing

### TECHNICAL DATA

Base	:	(A) Epoxy	(B) Hardener
Appearance	:	(A) Clear liquid	(B) Light brown liquid
Mixing ratio	:	Part-A/B = 1/1 by weight	
Density after mixing	:	approx. 1.0 g/cm <sup>3</sup>	
Gel time (100g mix @25°C)	:	approx. 3 minutes	
Coverage	:	4-5 m/set 30 ml. 260-270 m/set 2 kg.	

DISCLAIMER : The information in this data sheet is given to the best of our knowledge based on laboratory testing and practical experience. However, as the product is often used under conditions beyond our control, we cannot guarantee anything but the quality of the product itself. We reserve the right to change the given data without notice.

Rev. 24/12/2021

Page 1 of 1

# TECHNICAL DATA SHEET:



BLUE LABEL CO.,LTD.

48/58 Moo.1 Ekachai Road, Khok-Krabue, Amphur Muang, Samutsakhon, 74000 Thailand

Tel : +66 3449 4774-5 Fax : +66 3449 4776 Website : www.bluelabelgroup.com

*Technical Data Sheet*

RHINOZ – Innovation Special Products

## **RHINOZ**® RF-269 RHINOZ Anti-Stick

### FEATURES

- Ready to use
- Easy to apply by trowel
- Fast dry and residue free
- Non caustic

### DESCRIPTIONS

RHINOZ Anti-Stick is designed to use for dipping the trowel before touch up the Flexi Sand surface, to prevent sticking of the Flexi Sand. It is easy and ready to use, fast dry, residue free and non-caustic.

### APPLICATION

1. Apply 1 coat of **RHINOZ Flexi Sand Primer** then leave to dry for 2- 4 hours
2. Pour **RHINOZ Flexi Sand** onto the desired area, then press it to be smooth and firmly with trowel
3. Dip a trowel in **RHINOZ Anti-Stick** before touch up the Flexi Sand surface to be smooth
4. Leave to dry for 24 hours before use and it will be completely cured in 7 days

### PACKING SIZE

240 ml, 0.5 Litre, 1 Litre, 4 Litre

### STORAGE

Store in a dry place and avoid for fires or source of ignition with shelf life 1 year in the original unopened packing

### TECHNICAL DATA

Base	:	Solvent
Appearance	:	Clear liquid
Density	:	0.8 - 0.9 g/cm <sup>3</sup>
Coverage	:	20 - 30 m <sup>2</sup> /Litre ( depending on the application )

DISCLAIMER : The information in this data sheet is given to the best of our knowledge based on laboratory testing and practical experience. However, as the product is often used under conditions beyond our control, we cannot guarantee anything but the quality of the product itself. We reserve the right to change the given data without notice.

Rev. 14/03/2022

Page 1 of 1

# MATERIAL SAFETY DATA SHEET:



## SAFETY DATA SHEET

RHINOZ Flexi Sand Primer (Part-A)

Product code. RF-261

Revision date. 11/11/2022

### 1. IDENTIFICATION OF THE SUBSTANCE / MIXTURE AND OF THE SUPPLIER

#### 1.1 Product Identifier

Product name : RHINOZ Flexi Sand Primer (Part-A)

#### 1.2 Recommended use of the chemical and restrictions on use

Recommended use : Solvent-based epoxy primer

#### 1.3 Manufacturer or supplier's details

Manufacturer : Blue Label Co.,Ltd.  
48/58 Moo.1 Ekachai Road, Khok-krabue,  
Amphur Muang, Samutsakhon, 74000 Thailand  
Telephone. +66 3449 4774-5 Telefax. +66 3449 4776

#### 1.4 Emergency telephone number

Product information : +66 3449 4774-5

### 2. HAZARDS IDENTIFICATION

#### 2.1 GHS Classification of the substrate or mixture

Flammable liquids : Category 3  
Acute toxicity-Inhalation : Category 4  
Skin corrosion/irritation : Category 2  
Serious eye damage/eye irritation : Category 2  
Respiratory sensitizer : Category 1  
STOT-Single exposure : Category 3 (Respiratory system)  
STOT-Repeated exposure : Category 2 (Central nervous system, liver, kidney)  
Aspiration hazard : Category 1  
Long-term hazards to the aquatic environment : Category 3

#### 2.2 GHS label elements

Pictograms :



Signal word : DANGER

Hazard statements :

H226 Flammable liquid and vapour.  
H304 May be fatal if swallowed and enters airways.  
H332 Harmful if inhaled.  
H315 Causes skin irritation.  
H319 Causes serious eye irritation.  
H334 May cause allergy or asthma symptoms or breathing difficulties if inhaled.  
H335 May cause respiratory irritation or drowsiness or dizziness.  
H373 May cause damage to respiratory system through prolonged or repeated exposure.  
H412 Harmful to aquatic life with long lasting effects.

# MATERIAL SAFETY DATA SHEET:



## SAFETY DATA SHEET

RHINOZ Flexi Sand Primer (Part-A)

Product code. RF-261

Revision date. 11/11/2022

<b>Precautionary statements</b>	<b>Prevention</b>
P210	Keep away from heat/sparks/open flames/hot surfaces. No smoking.
P233	Keep container tightly closed.
P261	Avoid breathing dust/fume/gas/mist/vapours/spray.
P264	Wash skin thoroughly after handling.
P271	Use only outdoors or in a well-ventilated area.
P273	Avoid release to the environment.
P280	Wear protective gloves/protective clothing/eye protection/face protection.
	<b>Response</b>
P302+P352	IF ON SKIN : Wash with plenty of soap and water.
P304+P340+P312	IF INHALED : Remove person to fresh air and keep comfortable for breathing. Call a poison center or doctor/physician if you feel unwell.
P305+P351+P338+P310	IF IN EYES : Rinse cautiously with water for several minutes. Remove contact lenses, if present and easy to do. Continue rinsing. Immediately call a poison center or doctor.
P332+P313	IF skin irritation occurs : Get medical advice/attention.
P362+P364	Take off contaminated clothing and wash it before reuse.
	<b>Storage</b>
P403+P235	Store in a well-ventilated place. Keep cool.
P405	Store locked up.
	<b>Disposal</b>
P501	Dispose of contents/container in accordance with local/regional/national/international regulations.

### 2.3 Other hazards which do not result in classification

None known

## 3. COMPOSITION / INFORMATION ON INGREDIENTS

**Substance / Mixture** : Mixture

Chemical name	CAS Number	% Weight
Xylene	1330-20-7	40 - 60
Reaction product : Bisphenol-A-(epichlorohydrin) epoxy resin (MW <sub>≤</sub> 700)	25068-38-6	40 - 60

## 4. FIRST AID MEASURES

### 4.1 Description of first aid measures

Inhalation	: Remove person to fresh air and keep at rest in a position comfortable for breathing. Get medical attention if you feel unwell.
Skin contact	: Immediately wash skin with soap and plenty of water. Remove and wash contaminated clothing before reuse. Get medical attention if irritation develops and persists.
Eye contact	: Immediately rinse eyes with plenty of water for at least 15 minutes. If easy to do, remove contact lenses, if worn. Get medical attention immediately.
Ingestion	: If swallowed, do not induce vomiting. Never give anything by mouth to an unconscious person. Rinse mouth with clean water and get medical attention immediately.

Page 2/7



# MATERIAL SAFETY DATA SHEET:



## SAFETY DATA SHEET

RHINOZ Flexi Sand Primer (Part-A)

Product code. RF-261

Revision date. 11/11/2022

### 4.2 Most important symptoms and effects, both acute and delayed

Inhalation	:	Harmful if inhaled.
Skin contact	:	Causes skin irritation.
Eye contact	:	Causes serious eye irritation.
Ingestion	:	May be harmful if swallowed.

### 4.3 Indication of any immediate medical attention and special treatment needed

No data available

## 5. FIRE FIGHTING MEASURES

### 5.1 Suitable extinguishing media

Carbon dioxide, dry chemical powder, or appropriate foam.

### 5.2 Specific hazards arising from the chemical

Emits toxic fumes under fire conditions.

### 5.3 Special protective equipment and precautions for fire-fighters

In case of fire, firefighters should wear self-contained breathing apparatus (SCBA) and protective suit.

## 6. ACCIDENTAL RELEASE MEASURES

### 6.1 Personal precautions

Avoid contact with skin and eyes. Use appropriate personal protective equipment ( see section 8.)  
Isolate the hazard area and deny entry to unnecessary or unprotected personnel.

### 6.2 Environmental precautions

Prevent entry to sewers, ditches and waterways.

### 6.3 Methods and materials for containment and cleaning up

Collect spillage in a suitable container, seal securely for disposal according to local regulations.

## 7. HANDLING AND STORAGE

### 7.1 Precautions for safe handling

Provide good ventilation. Do not breathe vapours or spray mist. Avoid contact with skin and eyes. Use appropriate personal protective equipment recommended in section 8 and wash thoroughly after handling.

### 7.2 Conditions for safe storage, including any incompatibilities

Store in a dry, cool and well-ventilated place, keep container tightly closed when not in use and protect from incompatible materials. Keep away from direct sunlight, heat and sources of ignition.



# MATERIAL SAFETY DATA SHEET:



**SAFETY DATA SHEET**  
**RHINOZ Flexi Sand Primer (Part-A)**  
Product code. RF-261  
Revision date. 11/11/2022

## 8. EXPOSURE CONTROLS / PERSONAL PROTECTION

### 8.1 Control parameters

Xylene ( CAS 1330-20-7 ) TLV-TWA 100 ppm ( 435 mg/m<sup>3</sup> )

### 8.2 Engineering controls

Ensure adequate ventilation, especially in confined areas.

### 8.3 Personal protective equipment (PPE)

- Skin protection : Wear chemical resistance gloves and appropriate protective clothing and boots.
- Eye protection : Wear chemical goggles and/or face shields.
- Respiratory protection : Wear the suitable mask when encounter concentrations of contaminants and there is inadequate ventilation.
- Hygiene measures : Wash hands before breaks and at the end of workday. Remove and wash contaminated clothing before re-use. When using do not eat, drink or smoke.

## 9. PHYSICAL AND CHEMICAL PROPERTIES

- 9.1 Appearance : Clear liquid
- 9.2 Odour : No data available
- 9.3 Odour threshold : No data available
- 9.4 pH : No data available
- 9.5 Melting point/freezing point : No data available
- 9.6 Boiling point/boiling range : 136 - 145 °C (xylene)
- 9.7 Flash point : 24 °C (xylene)
- 9.8 Evaporation rate : No data available
- 9.9 Flammability (solid, gas) : No data available
- 9.10 Upper/Lower explosive limits : No data available
- 9.11 Vapour pressure : No data available
- 9.12 Vapour density : No data available
- 9.13 Relative density : 0.90 - 1.00
- 9.14 Solubility (in water) : No data available
- 9.15 Partition coefficient : n-octanol/water : No data available
- 9.16 Auto-ignition temperature : No data available
- 9.17 Decomposition temperature : No data available
- 9.18 Viscosity : No data available

## 10. STABILITY AND REACTIVITY

- 10.1 Reactivity : No dangerous reaction known under conditions of normal use.
- 10.2 Chemical stability : This product is stable under normal conditions of storage.
- 10.3 Possibility of hazardous reactions : Hazardous reactions will not occur.
- 10.4 Conditions to avoid : Heat, flames and sparks
- 10.5 Incompatible materials : Strong acids and strong oxidizing agents
- 10.6 Hazardous decomposition products : No data available

# MATERIAL SAFETY DATA SHEET:



## SAFETY DATA SHEET

RHINOZ Flexi Sand Primer (Part-A)

Product code: RF-261

Revision date: 11/11/2022

### 11. TOXICOLOGICAL INFORMATION

#### 11.1 Information on likely routes of exposure

Skin contact, eye contact and inhalation.

#### 11.2 Symptoms related to the physical, chemical and toxicological characteristics

Inhalation	:	Harmful if inhaled.
Skin contact	:	Causes skin irritation.
Eye contact	:	Causes serious eye irritation.
Ingestion	:	May be harmful if swallowed.

#### 11.3 Delayed and immediate effects and also chronic effects from short and long term exposure

Skin corrosion/irritation	:	Causes skin irritation
Serious eye damage/irritation	:	Causes serious eye irritation
Respiratory or skin sensitization	:	May cause allergy or asthma symptoms or breathing difficulties if inhaled
Gen cell mutagenicity	:	No data available
Carcinogenicity	:	No data available
Reproductive toxicity	:	No data available
STOT-Single exposure	:	May cause respiratory irritation or drowsiness or dizziness
STOT-Repeated exposure	:	May cause damage to respiratory system through prolonged or repeated exposure
Aspiration toxicity	:	May be fatal if swallowed and enters airways

#### 11.4 Numerical measure of toxicity

No data available

### 12. ECOLOGICAL INFORMATION

12.1 Ecotoxicity	:	Harmful to aquatic life with long lasting effects.
12.2 Persistence and degradability	:	No data available
12.3 Bioaccumulative potential	:	No data available
12.4 Mobility in soil	:	No data available
12.5 Other adverse effects	:	Avoid release to the environment

### 13. DISPOSAL CONSIDERATIONS

#### 13.1 Waste treatment methods

This material and its container must be disposed of in a safe way. Do not allow material into any sewer on the ground, or into any body of water. Dispose of contents/container in accordance with local/regional/nation/international regulations, or send to a licensed waste management company.

# MATERIAL SAFETY DATA SHEET:



## SAFETY DATA SHEET

RHINOZ Flexi Sand Primer (Part-A)

Product code. RF-261

Revision date. 11/11/2022

### 14. TRANSPORT INFORMATION

This product is classified as dangerous goods for transport according to ADR/RID, IMO/IMDG and IATA/ICAO regulations.



14.1 UN number	:	UN 1263
14.2 UN proper shipping name	:	Paint
14.3 Transport hazard class	:	3
14.4 Packing group	:	III
14.5 Environmental hazards	:	No data available
14.6 Special precautions for user	:	No data available
14.7 Transport in bulk according to Annex II of MAROL 73/78 and IBC code	:	Not applicable

### 15. REGULATORY INFORMATION

#### 15.1 Safety, health and environmental regulations/legislation specific for the substance or mixture

No data available

### 16. OTHER INFORMATION

#### 16.1 Revision history

Revision date	:	11 November 2022
Reason for revision	:	Updated information compliant with GHS standard

#### 16.2 Definitions and abbreviations

ACGIH	:	American Conference of Governmental Industrial Hygienists
ADR/RID	:	European Agreement for transport of dangerous goods by road (ADR) and by rail (RID)
GHS	:	Global Harmonized System of Classification and Labeling of Chemicals
IATA	:	International Air Transport Association
ICAO	:	International Civil Aviation Organization
IMO	:	International Maritime Organization
IMDG	:	International Maritime Dangerous Goods
LC50	:	Lethal Concentration, 50 percent
LD50	:	Lethal Dose, 50 percent
Mppcf	:	Million particles per cubic foot of air
OEL	:	Occupational Exposure Limit
OSHA	:	Occupational Safety and Health Administration
PEL	:	Permissible Exposure Limit
STOT	:	Specific Target Organ Toxicity
TLV	:	Threshold Limit Value
TWA	:	Time Weighted Average

# MATERIAL SAFETY DATA SHEET:



## **SAFETY DATA SHEET**

**RHINOZ Flexi Sand Primer (Part-A)**

Product code, RF-261

Revision date, 11/11/2022

---

### **16.3 Disclaimer**

The above information is believed to be correct but does not purport to be all inclusive and shall be used only as a guide. The information in this document is based on the present state of our knowledge and is applicable to the product with regard to appropriate safety precautions. It does not represent any guarantee of the properties of the product. We will not be held liable for any damage resulting from handling or from contact with the above product.

# MATERIAL SAFETY DATA SHEET:



**SAFETY DATA SHEET**  
**RHINOZ Flexi Sand Primer (Part-B)**  
Product code. RF-261  
Revision date. 11/11/2022

## 1. IDENTIFICATION OF THE SUBSTANCE / MIXTURE AND OF THE SUPPLIER

### 1.1 Product Identifier

Product name : RHINOZ Flexi Sand Primer (Part-B)

### 1.2 Recommended use of the chemical and restrictions on use

Recommended use : Solvent-based epoxy primer

### 1.3 Manufacturer or supplier's details

Manufacturer : Blue Label Co.,Ltd.  
48/58 Moo.1 Ekachai Road, Khok-krabue,  
Amphur Muang, Samutsakhon, 74000 Thailand  
Telephone. +66 3449 4774-5 Telefax. +66 3449 4776

### 1.4 Emergency telephone number

Product information : +66 3449 4774-5

## 2. HAZARDS IDENTIFICATION

### 2.1 GHS Classification of the substrate or mixture

Flammable liquids : Category 3  
Acute toxicity-Inhalation : Category 4  
Skin corrosion/irritation : Category 2  
Serious eye damage/eye irritation : Category 2  
Respiratory sensitizer : Category 1  
STOT-Single exposure : Category 3 (Respiratory system)  
STOT-Repeated exposure : Category 2 (Central nervous system, liver, kidney)  
Aspiration hazard : Category 1  
Long-term hazards to the aquatic environment : Category 3

### 2.2 GHS label elements

Pictograms :

Signal word : DANGER

Hazard statements :

H226 Flammable liquid and vapour.  
H304 May be fatal if swallowed and enters airways.  
H332 Harmful if inhaled.  
H315 Causes skin irritation.  
H319 Causes serious eye irritation.  
H334 May cause allergy or asthma symptoms or breathing difficulties if inhaled.  
H335 May cause respiratory irritation or drowsiness or dizziness.  
H373 May cause damage to respiratory system through prolonged or repeated exposure.  
H412 Harmful to aquatic life with long lasting effects.

# MATERIAL SAFETY DATA SHEET:



## SAFETY DATA SHEET

RHINOZ Flexi Sand Primer (Part-B)

Product code. RF-261

Revision date. 11/11/2022

### Precautionary statements : Prevention

- P210 Keep away from heat/sparks/open flames/hot surfaces. No smoking.
- P233 Keep container tightly closed.
- P261 Avoid breathing dust/fume/gas/mist/vapours/spray.
- P264 Wash skin thoroughly after handling.
- P271 Use only outdoors or in a well-ventilated area.
- P273 Avoid release to the environment.
- P280 Wear protective gloves/protective clothing/eye protection/face protection.

### Response

- P302+P352 IF ON SKIN : Wash with plenty of soap and water.
- P304+P340+P312 IF INHALED : Remove person to fresh air and keep comfortable for breathing.  
Call a poison center or doctor/physician if you feel unwell.
- P305+P351+P338+P310 IF IN EYES : Rinse cautiously with water for several minutes. Remove contact lenses, if present and easy to do. Continue rinsing. Immediately call a poison center or doctor.
- P332+P313 IF skin irritation occurs : Get medical advice/attention.
- P362+P364 Take off contaminated clothing and wash it before reuse.

### Storage

- P403+P235 Store in a well-ventilated place. Keep cool.
- P405 Store locked up.

### Disposal

- P501 Dispose of contents/container in accordance with local/regional/national/international regulations.

### 2.3 Other hazards which do not result in classification

None known

## 3. COMPOSITION / INFORMATION ON INGREDIENTS

Substance / Mixture : Mixture

Chemical name	CAS Number	% Weight
Xylene	1330-20-7	30 - 50
Modified aliphatic polyamine	25265-17-2	10 - 30
Poly-oxypropylene diamine	9046-10-0	10 - 30
Isophorone diamine	2855-13-2	1 - 10
Nonyl phenol	84852-15-3	1 - 10
2,4,6,-tris(di-methyl amino methyl)phenol	90-72-2	1 - 10
Benzyl alcohol	100-51-6	1 - 5

# MATERIAL SAFETY DATA SHEET:



**SAFETY DATA SHEET**  
**RHINOZ Flexi Sand Primer (Part-B)**  
Product code. RF-261  
Revision date. 11/11/2022

## 4. FIRST AID MEASURES

### 4.1 Description of first aid measures

- Inhalation : Remove person to fresh air and keep at rest in a position comfortable for breathing. Get medical attention if you feel unwell.
- Skin contact : Immediately wash skin with soap and plenty of water. Remove and wash contaminated clothing before reuse. Get medical attention if irritation develops and persists.
- Eye contact : Immediately rinse eyes with plenty of water for at least 15 minutes. If easy to do, remove contact lenses, if worn. Get medical attention immediately.
- Ingestion : If swallowed, do not induce vomiting. Never give anything by mouth to an unconscious person. Rinse mouth with clean water and get medical attention immediately.

### 4.2 Most important symptoms and effects, both acute and delayed

- Inhalation : Harmful if inhaled.
- Skin contact : Causes skin irritation.
- Eye contact : Causes serious eye irritation.
- Ingestion : May be harmful if swallowed.

### 4.3 Indication of any immediate medical attention and special treatment needed

No data available

## 5. FIRE FIGHTING MEASURES

### 5.1 Suitable extinguishing media

Carbon dioxide, dry chemical powder, or appropriate foam.

### 5.2 Specific hazards arising from the chemical

Emits toxic fumes under fire conditions.

### 5.3 Special protective equipment and precautions for fire-fighters

In case of fire, firefighters should wear self-contained breathing apparatus (SCBA) and protective suit.

## 6. ACCIDENTAL RELEASE MEASURES

### 6.1 Personal precautions

Avoid contact with skin and eyes. Use appropriate personal protective equipment ( see section 8.)  
Isolate the hazard area and deny entry to unnecessary or unprotected personnel.

### 6.2 Environmental precautions

Prevent entry to sewers, ditches and waterways.

### 6.3 Methods and materials for containment and cleaning up

Collect spillage in a suitable container, seal securely for disposal according to local regulations.



# MATERIAL SAFETY DATA SHEET:



## SAFETY DATA SHEET

RHINOZ Flexi Sand Primer (Part-B)

Product code. RF-261

Revision date. 11/11/2022

### 7. HANDLING AND STORAGE

#### 7.1 Precautions for safe handling

Provide good ventilation. Do not breathe vapours or spray mist. Avoid contact with skin and eyes. Use appropriate personal protective equipment recommended in section 8 and wash thoroughly after handling.

#### 7.2 Conditions for safe storage, including any incompatibilities

Store in a dry, cool and well-ventilated place, keep container tightly closed when not in use and protect from incompatible materials. Keep away from direct sunlight, heat and sources of ignition.

### 8. EXPOSURE CONTROLS / PERSONAL PROTECTION

#### 8.1 Control parameters

Xylene ( CAS 1330-20-7 ) TLV-TWA 100 ppm ( 435 mg/m<sup>3</sup> )

#### 8.2 Engineering controls

Ensure adequate ventilation, especially in confined areas.

#### 8.3 Personal protective equipment (PPE)

- |                        |   |   |
|------------------------|---|---|
| Skin protection        | : | Wear chemical resistance gloves and appropriate protective clothing and boots.  |
| Eye protection         | : | Wear chemical goggles and/or face shields.  |
| Respiratory protection | : | Wear the suitable mask when encounter concentrations of contaminants and there is inadequate ventilation.                                       |
| Hygiene measures       | : | Wash hands before breaks and at the end of workday. Remove and wash contaminated clothing before re-use. When using do not eat, drink or smoke. |

### 9. PHYSICAL AND CHEMICAL PROPERTIES

- |  |   |                       |
|--|---|-----------------------|
| 9.1 Appearance                               | : | Light brown liquid    |
| 9.2 Odour                                    | : | No data available     |
| 9.3 Odour threshold                          | : | No data available     |
| 9.4 pH                                       | : | No data available     |
| 9.5 Melting point/freezing point             | : | No data available     |
| 9.6 Boiling point/boiling range              | : | 136 - 145 °C (Xylene) |
| 9.7 Flash point                              | : | 24 °C (Xylene)        |
| 9.8 Evaporation rate                         | : | No data available     |
| 9.9 Flammability (solid, gas)                | : | No data available     |
| 9.10 Upper/Lower explosive limits            | : | No data available     |
| 9.11 Vapour pressure                         | : | No data available     |
| 9.12 Vapour density                          | : | No data available     |
| 9.13 Relative density                        | : | 0.90 - 1.00           |
| 9.14 Solubility (in water)                   | : | No data available     |
| 9.15 Partition coefficient : n-octanol/water | : | No data available     |
| 9.16 Auto-ignition temperature               | : | No data available     |
| 9.17 Decomposition temperature               | : | No data available     |
| 9.18 Viscosity                               | : | No data available     |

Page 4/7

# MATERIAL SAFETY DATA SHEET:



## SAFETY DATA SHEET

RHINOZ Flexi Sand Primer (Part-B)

Product code: RF-261

Revision date: 11/11/2022

### 10. STABILITY AND REACTIVITY

- 10.1 Reactivity : No dangerous reaction known under conditions of normal use.
- 10.2 Chemical stability : This product is stable under normal conditions of storage.
- 10.3 Possibility of hazardous reactions : Hazardous reactions will not occur.
- 10.4 Conditions to avoid : Heat, flames and sparks
- 10.5 Incompatible materials : Strong acids and strong oxidizing agents
- 10.6 Hazardous decomposition products : No data available

### 11. TOXICOLOGICAL INFORMATION

#### 11.1 Information on likely routes of exposure

Skin contact, eye contact and inhalation.

#### 11.2 Symptoms related to the physical, chemical and toxicological characteristics

- Inhalation : Harmful if inhaled.
- Skin contact : Causes skin irritation.
- Eye contact : Causes serious eye irritation.
- Ingestion : May be harmful if swallowed.

#### 11.3 Delayed and immediate effects and also chronic effects from short and long term exposure

- Skin corrosion/irritation : Causes skin irritation
- Serious eye damage/irritation : Causes serious eye irritation
- Respiratory or skin sensitization : May cause allergy or asthma symptoms or breathing difficulties if inhaled
- Gen cell mutagenicity : No data available
- Carcinogenicity : No data available
- Reproductive toxicity : No data available
- STOT-Single exposure : May cause respiratory irritation or drowsiness or dizziness
- STOT-Repeated exposure : May cause damage to respiratory system through prolonged or repeated exposure
- Aspiration toxicity : May be fatal if swallowed and enters airways

#### 11.4 Numerical measure of toxicity

No data available

### 12. ECOLOGICAL INFORMATION

- 12.1 Ecotoxicity : Harmful to aquatic life with long lasting effects.
- 12.2 Persistence and degradability : No data available
- 12.3 Bioaccumulative potential : No data available
- 12.4 Mobility in soil : No data available
- 12.5 Other adverse effects : Avoid release to the environment

# MATERIAL SAFETY DATA SHEET:



## SAFETY DATA SHEET

RHINOZ Flexi Sand Primer (Part-B)

Product code: RF-261

Revision date: 11/11/2022

### 13. DISPOSAL CONSIDERATIONS

#### 13.1 Waste treatment methods

This material and its container must be disposed of in a safe way. Do not allow material into any sewer on the ground, or into any body of water. Dispose of contents/container in accordance with local/regional/nation/international regulations, or send to a licensed waste management company.

### 14. TRANSPORT INFORMATION

This product is classified as dangerous goods for transport according to ADR/RID, IMO/IMDG and IATA/ICAO regulations.



14.1 UN number	:	UN 1263
14.2 UN proper shipping name	:	Paint
14.3 Transport hazard class	:	3
14.4 Packing group	:	III
14.5 Environmental hazards	:	No data available
14.6 Special precautions for user	:	No data available
14.7 Transport in bulk according to Annex II of MAROL 73/78 and IBC code	:	Not applicable

### 15. REGULATORY INFORMATION

#### 15.1 Safety, health and environmental regulations/legislation specific for the substance or mixture

No data available

### 16. OTHER INFORMATION

#### 16.1 Revision history

Revision date	:	11 November 2022
Reason for revision	:	Updated information compliant with GHS standard

#### 16.2 Definitions and abbreviations

ACGIH	:	American Conference of Governmental Industrial Hygienists
ADR/RID	:	European Agreement for transport of dangerous goods by road (ADR) and by rail (RID)
GHS	:	Global Harmonized System of Classification and Labeling of Chemicals
IATA	:	International Air Transport Association
ICAO	:	International Civil Aviation Organization
IMO	:	International Maritime Organization
IMDG	:	International Maritime Dangerous Goods
LC50	:	Lethal Concentration, 50 percent
LD50	:	Lethal Dose, 50 percent
Mppcf	:	Million particles per cubic foot of air
OEL	:	Occupational Exposure Limit
OSHA	:	Occupational Safety and Health Administration

# MATERIAL SAFETY DATA SHEET:



## SAFETY DATA SHEET

RHINOZ Flexi Sand Primer (Part-B)

Product code: RF-281

Revision date: 11/11/2022

---

PEL	:	Permissible Exposure Limit
STOT	:	Specific Target Organ Toxicity
TLV	:	Threshold Limit Value
TWA	:	Time Weighted Average

### 16.3 Disclaimer

The above information is believed to be correct but does not purport to be all inclusive and shall be used only as a guide. The information in this document is based on the present state of our knowledge and is applicable to the product with regard to appropriate safety precautions. It does not represent any guarantee of the properties of the product. We will not be held liable for any damage resulting from handling or from contact with the above product.

# MATERIAL SAFETY DATA SHEET:



## SAFETY DATA SHEET

RHINOZ Flexi Sand (Part-A)

Product code. RF-224

Revision date. 11/11/2022

### 1. IDENTIFICATION OF THE SUBSTANCE / MIXTURE AND OF THE SUPPLIER

#### 1.1 Product Identifier

Product name : RHINOZ Flexi Sand (Part-A)

#### 1.2 Recommended use of the chemical and restrictions on use

Recommended use : Solvent-based decorative textured paint

#### 1.3 Manufacturer or supplier's details

Manufacturer : Blue Label Co.,Ltd.  
48/58 Moo.1 Ekachai Road, Khok-krabue,  
Amphur Muang, Samutsakhon, 74000 Thailand  
Telephone. +66 3449 4774-5    Telefax. +66 3449 4776

#### 1.4 Emergency telephone number

Product information : +66 3449 4774-5

### 2. HAZARDS IDENTIFICATION

#### 2.1 GHS Classification of the substrate or mixture

Flammable liquids : Category 3  
Acute toxicity-Inhalation : Category 4  
Skin corrosion/irritation : Category 2  
Serious eye damage/eye irritation : Category 2  
Respiratory sensitizer : Category 1  
STOT-Single exposure : Category 3 (Respiratory system)  
STOT-Repeated exposure : Category 2 (Central nervous system, liver, kidney)  
Aspiration hazard : Category 1  
Long-term hazards to the aquatic environment : Category 3

#### 2.2 GHS label elements

Pictograms :



Signal word : DANGER

Hazard statements :

H226 Flammable liquid and vapour.  
H304 May be fatal if swallowed and enters airways.  
H332 Harmful if inhaled.  
H315 Causes skin irritation.  
H319 Causes serious eye irritation.  
H334 May cause allergy or asthma symptoms or breathing difficulties if inhaled.  
H335 May cause respiratory irritation or drowsiness or dizziness.  
H373 May cause damage to respiratory system through prolonged or repeated exposure.  
H412 Harmful to aquatic life with long lasting effects.

# MATERIAL SAFETY DATA SHEET:



## SAFETY DATA SHEET

RHINOZ Flexi Sand (Part-A)

Product code. RF-224

Revision date. 11/11/2022

### Precautionary statements : Prevention

- P210 Keep away from heat/sparks/open flames/hot surfaces. No smoking.
- P233 Keep container tightly closed.
- P261 Avoid breathing dust/fume/gas/mist/vapours/spray.
- P264 Wash skin thoroughly after handling.
- P271 Use only outdoors or in a well-ventilated area.
- P273 Avoid release to the environment.
- P280 Wear protective gloves/protective clothing/eye protection/face protection.

### Response

- P302+P352 IF ON SKIN : Wash with plenty of soap and water.
- P304+P340+P312 IF INHALED : Remove person to fresh air and keep comfortable for breathing.  
Call a poison center or doctor/physician if you feel unwell.
- P305+P351+P338+P310 IF IN EYES : Rinse cautiously with water for several minutes. Remove contact lenses, if present and easy to do. Continue rinsing. Immediately call a poison center or doctor.
- P332+P313 IF skin irritation occurs : Get medical advice/attention.
- P362+P364 Take off contaminated clothing and wash it before reuse.

### Storage

- P403+P235 Store in a well-ventilated place. Keep cool.
- P405 Store locked up.

### Disposal

- P501 Dispose of contents/container in accordance with local/regional/national/international regulations.

### 2.3 Other hazards which do not result in classification

None known

## 3. COMPOSITION / INFORMATION ON INGREDIENTS

Substance / Mixture : Mixture

Chemical name	CAS Number	% Weight
Aspartic Acid, N,N'-(methylenedi-4,1-cyclohexanediyl)bis-, tetraethyl ester	136210-30-5	50 - 70
Diethyl fumarate	623-91-6	1 - 3
Xylene	1330-20-7	20 - 40

## 4. FIRST AID MEASURES

### 4.1 Description of first aid measures

- Inhalation : Remove person to fresh air and keep at rest in a position comfortable for breathing.  
Get medical attention if you feel unwell.
- Skin contact : Immediately wash skin with soap and plenty of water. Remove and wash contaminated clothing before reuse. Get medical attention if irritation develops and persists.
- Eye contact : Immediately rinse eyes with plenty of water for at least 15 minutes. If easy to do, remove contact lenses, if worn. Get medical attention immediately.

# MATERIAL SAFETY DATA SHEET:



## SAFETY DATA SHEET

RHINOZ Flexi Sand (Part-A)

Product code. RF-224

Revision date. 11/11/2022

Ingestion : If swallowed, do not induce vomiting. Never give anything by mouth to an unconscious person. Rinse mouth with clean water and get medical attention immediately.

### 4.2 Most important symptoms and effects, both acute and delayed

Inhalation : Harmful if inhaled.  
Skin contact : Causes skin irritation.  
Eye contact : Causes serious eye irritation.  
Ingestion : May be harmful if swallowed.

### 4.3 Indication of any immediate medical attention and special treatment needed

No data available

## 5. FIRE FIGHTING MEASURES

### 5.1 Suitable extinguishing media

Carbon dioxide, dry chemical powder, or appropriate foam.

### 5.2 Specific hazards arising from the chemical

Emits toxic fumes under fire conditions.

### 5.3 Special protective equipment and precautions for fire-fighters

In case of fire, firefighters should wear self-contained breathing apparatus (SCBA) and protective suit.

## 6. ACCIDENTAL RELEASE MEASURES

### 6.1 Personal precautions

Avoid contact with skin and eyes. Use appropriate personal protective equipment ( see section 8.)  
Isolate the hazard area and deny entry to unnecessary or unprotected personnel.

### 6.2 Environmental precautions

Prevent entry to sewers, ditches and waterways.

### 6.3 Methods and materials for containment and cleaning up

Collect spillage in a suitable container, seal securely for disposal according to local regulations.

## 7. HANDLING AND STORAGE

### 7.1 Precautions for safe handling

Provide good ventilation. Do not breathe vapours or spray mist. Avoid contact with skin and eyes. Use appropriate personal protective equipment recommended in section 8 and wash thoroughly after handling.

### 7.2 Conditions for safe storage, including any incompatibilities

Store in a dry, cool and well-ventilated place, keep container tightly closed when not in use and protect from incompatible materials. Keep away from direct sunlight, heat and sources of ignition.



# MATERIAL SAFETY DATA SHEET:



## SAFETY DATA SHEET

RHINOZ Flexi Sand (Part-A)

Product code: RF-224  
Revision date: 11/11/2022

### 8. EXPOSURE CONTROLS / PERSONAL PROTECTION

#### 8.1 Control parameters

Xylene ( CAS 1330-20-7 ) TLV-TWA 100 ppm ( 435 mg/m<sup>3</sup> )

#### 8.2 Engineering controls

Ensure adequate ventilation, especially in confined areas.

#### 8.3 Personal protective equipment (PPE)

- Skin protection : Wear chemical resistance gloves and appropriate protective clothing and boots.
- Eye protection : Wear chemical goggles and/or face shields.
- Respiratory protection : Wear the suitable mask when encounter concentrations of contaminants and there is inadequate ventilation.
- Hygiene measures : Wash hands before breaks and at the end of workday. Remove and wash contaminated clothing before re-use. When using do not eat, drink or smoke.

### 9. PHYSICAL AND CHEMICAL PROPERTIES

- 9.1 Appearance : Yellowish liquid
- 9.2 Odour : No data available
- 9.3 Odour threshold : No data available
- 9.4 pH : No data available
- 9.5 Melting point/freezing point : No data available
- 9.6 Boiling point/boiling range : 136 - 145 °C (xylene)
- 9.7 Flash point : 24 °C (xylene)
- 9.8 Evaporation rate : No data available
- 9.9 Flammability (solid, gas) : No data available
- 9.10 Upper/Lower explosive limits : No data available
- 9.11 Vapour pressure : No data available
- 9.12 Vapour density : No data available
- 9.13 Relative density : 1.00 - 1.10
- 9.14 Solubility (in water) : No data available
- 9.15 Partition coefficient : n-octanol/water : No data available
- 9.16 Auto-ignition temperature : No data available
- 9.17 Decomposition temperature : No data available
- 9.18 Viscosity : No data available

### 10. STABILITY AND REACTIVITY

- 10.1 Reactivity : No dangerous reaction known under conditions of normal use.
- 10.2 Chemical stability : This product is stable under normal conditions of storage.
- 10.3 Possibility of hazardous reactions : Hazardous reactions will not occur.
- 10.4 Conditions to avoid : Heat, flames and sparks
- 10.5 Incompatible materials : Strong acids and strong oxidizing agents
- 10.6 Hazardous decomposition products : No data available

# MATERIAL SAFETY DATA SHEET:



## SAFETY DATA SHEET

RHINOZ Flexi Sand (Part-A)

Product code. RF-224

Revision date. 11/11/2022

### 11. TOXICOLOGICAL INFORMATION

#### 11.1 Information on likely routes of exposure

Skin contact, eye contact and inhalation.

#### 11.2 Symptoms related to the physical, chemical and toxicological characteristics

Inhalation	:	Harmful if inhaled.
Skin contact	:	Causes skin irritation.
Eye contact	:	Causes serious eye irritation.
Ingestion	:	May be harmful if swallowed.

#### 11.3 Delayed and immediate effects and also chronic effects from short and long term exposure

Skin corrosion/irritation	:	Causes skin irritation
Serious eye damage/irritation	:	Causes serious eye irritation
Respiratory or skin sensitization	:	May cause allergy or asthma symptoms or breathing difficulties if inhaled
Gen cell mutagenicity	:	No data available
Carcinogenicity	:	No data available
Reproductive toxicity	:	No data available
STOT-Single exposure	:	May cause respiratory irritation or drowsiness or dizziness
STOT-Repeated exposure	:	May cause damage to respiratory system through prolonged or repeated exposure
Aspiration toxicity	:	May be fatal if swallowed and enters airways

#### 11.4 Numerical measure of toxicity

No data available

### 12. ECOLOGICAL INFORMATION

12.1 Ecotoxicity	:	Harmful to aquatic life with long lasting effects.
12.2 Persistence and degradability	:	No data available
12.3 Bioaccumulative potential	:	No data available
12.4 Mobility in soil	:	No data available
12.5 Other adverse effects	:	Avoid release to the environment

### 13. DISPOSAL CONSIDERATIONS

#### 13.1 Waste treatment methods

This material and its container must be disposed of in a safe way. Do not allow material into any sewer on the ground, or into any body of water. Dispose of contents/container in accordance with local/regional/nation/international regulations, or send to a licensed waste management company.

# MATERIAL SAFETY DATA SHEET:



## SAFETY DATA SHEET

RHINOZ Flexi Sand (Part-A)

Product code: RF-224

Revision date: 11/11/2022

### 14. TRANSPORT INFORMATION

This product is classified as dangerous goods for transport according to ADR/RID, IMO/IMDG and IATA/ICAO regulations.



14.1 UN number	:	UN 1263
14.2 UN proper shipping name	:	Paint
14.3 Transport hazard class	:	3
14.4 Packing group	:	III
14.5 Environmental hazards	:	No data available
14.6 Special precautions for user	:	No data available
14.7 Transport in bulk according to Annex II of MAROL 73/78 and IBC code	:	Not applicable

### 15. REGULATORY INFORMATION

#### 15.1 Safety, health and environmental regulations/legislation specific for the substance or mixture

No data available

### 16. OTHER INFORMATION

#### 16.1 Revision history

Revision date	:	11 November 2022
Reason for revision	:	Updated information compliant with GHS standard

#### 16.2 Definitions and abbreviations

ACGIH	:	American Conference of Governmental Industrial Hygienists
ADR/RID	:	European Agreement for transport of dangerous goods by road (ADR) and by rail (RID)
GHS	:	Global Harmonized System of Classification and Labeling of Chemicals
IATA	:	International Air Transport Association
ICAO	:	International Civil Aviation Organization
IMO	:	International Maritime Organization
IMDG	:	International Maritime Dangerous Goods
LC50	:	Lethal Concentration, 50 percent
LD50	:	Lethal Dose, 50 percent
Mppcf	:	Million particles per cubic foot of air
OEL	:	Occupational Exposure Limit
OSHA	:	Occupational Safety and Health Administration
PEL	:	Permissible Exposure Limit
STOT	:	Specific Target Organ Toxicity
TLV	:	Threshold Limit Value
TWA	:	Time Weighted Average

# MATERIAL SAFETY DATA SHEET:



## **SAFETY DATA SHEET**

### **RHINOZ Flexi Sand (Part-A)**

Product code. RF-224

Revision date. 11/11/2022

---

#### **16.3 Disclaimer**

The above information is believed to be correct but does not purport to be all inclusive and shall be used only as a guide. The information in this document is based on the present state of our knowledge and is applicable to the product with regard to appropriate safety precautions. It does not represent any guarantee of the properties of the product. We will not be held liable for any damage resulting from handling or from contact with the above product.

# MATERIAL SAFETY DATA SHEET:



## SAFETY DATA SHEET

RHINOZ Flexi Sand (Part-B)

Product code. RF-224

Revision date. 11/11/2022

### 1. IDENTIFICATION OF THE SUBSTANCE / MIXTURE AND OF THE SUPPLIER

#### 1.1 Product Identifier

Product name : RHINOZ Flexi Sand (Part-B)

#### 1.2 Recommended use of the chemical and restrictions on use

Recommended use : Solvent-based decorative textured paint

#### 1.3 Manufacturer or supplier's details

Manufacturer : Blue Label Co.,Ltd.  
48/58 Moo.1 Ekachai Road, Khok-krabue,  
Amphur Muang, Samutsakhon, 74000 Thailand  
Telephone. +66 3449 4774-5 Telefax. +66 3449 4776

#### 1.4 Emergency telephone number

Product information : +66 3449 4774-5

### 2. HAZARDS IDENTIFICATION

#### 2.1 GHS Classification of the substrate or mixture

Flammable liquids : Category 3  
Acute toxicity-Inhalation : Category 4  
Skin corrosion/irritation : Category 2  
Serious eye damage/eye irritation : Category 2  
Respiratory sensitizer : Category 1  
STOT-Single exposure : Category 3 (Respiratory system)  
STOT-Repeated exposure : Category 2 (Central nervous system, liver, kidney)  
Aspiration hazard : Category 1  
Long-term hazards to the aquatic environment : Category 3

#### 2.2 GHS label elements

Pictograms : 

Signal word : DANGER

#### Hazard statements

H226 Flammable liquid and vapour.  
H304 May be fatal if swallowed and enters airways.  
H332 Harmful if inhaled.  
H315 Causes skin irritation.  
H319 Causes serious eye irritation.  
H334 May cause allergy or asthma symptoms or breathing difficulties if inhaled.  
H335 May cause respiratory irritation or drowsiness or dizziness.  
H373 May cause damage to respiratory system through prolonged or repeated exposure.  
H412 Harmful to aquatic life with long lasting effects.

# MATERIAL SAFETY DATA SHEET:



## SAFETY DATA SHEET

### RHINOZ Flexi Sand (Part-B)

Product code. RF-224

Revision date. 11/11/2022

<b>Precautionary statements</b>	<b>Prevention</b>
P210	Keep away from heat/sparks/open flames/hot surfaces. No smoking.
P233	Keep container tightly closed.
P261	Avoid breathing dust/fume/gas/mist/vapours/spray.
P264	Wash skin thoroughly after handling.
P271	Use only outdoors or in a well-ventilated area.
P273	Avoid release to the environment.
P280	Wear protective gloves/protective clothing/eye protection/face protection.
	<b>Response</b>
P302+P352	IF ON SKIN : Wash with plenty of soap and water.
P304+P340+P312	IF INHALED : Remove person to fresh air and keep comfortable for breathing. Call a poison center or doctor/physician if you feel unwell.
P305+P351+P338+P310	IF IN EYES : Rinse cautiously with water for several minutes. Remove contact lenses, if present and easy to do. Continue rinsing. Immediately call a poison center or doctor.
P332+P313	IF skin irritation occurs : Get medical advice/attention.
P362+P364	Take off contaminated clothing and wash it before reuse.
	<b>Storage</b>
P403+P235	Store in a well-ventilated place. Keep cool.
P405	Store locked up.
	<b>Disposal</b>
P501	Dispose of contents/container in accordance with local/regional/national/international regulations.

#### 2.3 Other hazards which do not result in classification

None known

### 3. COMPOSITION / INFORMATION ON INGREDIENTS

**Substance / Mixture** : Mixture

Chemical name	CAS Number	% Weight
Xylene	1330-20-7	10 - 30
Aromatic polyisocyanate prepolymer	37273-56-6	50 - 70
Toluene-2, 4-diisocyanate	584-84-9	< 0.5
Hexamethylene diisocyanate oligomers	28182-81-2	10 - 30
Hexamethylene-di-isocyanate (Hazardous impurities)	822-06-0	< 0.2

### 4. FIRST AID MEASURES

#### 4.1 Description of first aid measures

Inhalation	: Remove person to fresh air and keep at rest in a position comfortable for breathing. Get medical attention if you feel unwell.
Skin contact	: Immediately wash skin with soap and plenty of water. Remove and wash contaminated clothing before reuse. Get medical attention if irritation develops and persists.



# MATERIAL SAFETY DATA SHEET:



## SAFETY DATA SHEET

### RHINOZ Flexi Sand (Part-B)

Product code: RF-224  
Revision date: 11/11/2022

- Eye contact : Immediately rinse eyes with plenty of water for at least 15 minutes. If easy to do, remove contact lenses, if worn. Get medical attention immediately.
- Ingestion : If swallowed, do not induce vomiting. Never give anything by mouth to an unconscious person. Rinse mouth with clean water and get medical attention immediately.

#### 4.2 Most important symptoms and effects, both acute and delayed

- Inhalation : Harmful if inhaled.
- Skin contact : Causes skin irritation.
- Eye contact : Causes serious eye irritation.
- Ingestion : May be harmful if swallowed.

#### 4.3 Indication of any immediate medical attention and special treatment needed

No data available

## 5. FIRE FIGHTING MEASURES

### 5.1 Suitable extinguishing media

Carbon dioxide, dry chemical powder, or appropriate foam.

### 5.2 Specific hazards arising from the chemical

Emits toxic fumes under fire conditions.

### 5.3 Special protective equipment and precautions for fire-fighters

In case of fire, firefighters should wear self-contained breathing apparatus (SCBA) and protective suit.

## 6. ACCIDENTAL RELEASE MEASURES

### 6.1 Personal precautions

Avoid contact with skin and eyes. Use appropriate personal protective equipment ( see section 8.)  
Isolate the hazard area and deny entry to unnecessary or unprotected personnel.

### 6.2 Environmental precautions

Prevent entry to sewers, ditches and waterways.

### 6.3 Methods and materials for containment and cleaning up

Collect spillage in a suitable container, seal securely for disposal according to local regulations.

## 7. HANDLING AND STORAGE

### 7.1 Precautions for safe handling

Provide good ventilation. Do not breathe vapours or spray mist. Avoid contact with skin and eyes. Use appropriate personal protective equipment recommended in section 8 and wash thoroughly after handling.

### 7.2 Conditions for safe storage, including any incompatibilities

Store in a dry, cool and well-ventilated place, keep container tightly closed when not in use and protect from incompatible materials. Keep away from direct sunlight, heat and sources of ignition.

# MATERIAL SAFETY DATA SHEET:



## SAFETY DATA SHEET

### RHINOZ Flexi Sand (Part-B)

Product code. RF-224

Revision date. 11/11/2022

#### 8. EXPOSURE CONTROLS / PERSONAL PROTECTION

##### 8.1 Control parameters

Xylene ( CAS 1330-20-7 ) TLV-TWA 100 ppm ( 435 mg/m<sup>3</sup> )

##### 8.2 Engineering controls

Ensure adequate ventilation, especially in confined areas.

##### 8.3 Personal protective equipment (PPE)

- Skin protection : Wear chemical resistance gloves and appropriate protective clothing and boots.
- Eye protection : Wear chemical goggles and/or face shields.
- Respiratory protection : Wear the suitable mask when encounter concentrations of contaminants and there is inadequate ventilation.
- Hygiene measures : Wash hands before breaks and at the end of workday. Remove and wash contaminated clothing before re-use. When using do not eat, drink or smoke.

#### 9. PHYSICAL AND CHEMICAL PROPERTIES

- 9.1 Appearance : Cloudy liquid
- 9.2 Odour : No data available
- 9.3 Odour threshold : No data available
- 9.4 pH : No data available
- 9.5 Melting point/freezing point : No data available
- 9.6 Boiling point/boiling range : 136 - 145 °C (xylene)
- 9.7 Flash point : 24 °C (xylene)
- 9.8 Evaporation rate : No data available
- 9.9 Flammability (solid, gas) : No data available
- 9.10 Upper/Lower explosive limits : No data available
- 9.11 Vapour pressure : No data available
- 9.12 Vapour density : No data available
- 9.13 Relative density : 1.00 - 1.10
- 9.14 Solubility (in water) : No data available
- 9.15 Partition coefficient : n-octanol/water : No data available
- 9.16 Auto-ignition temperature : No data available
- 9.17 Decomposition temperature : No data available
- 9.18 Viscosity : No data available

#### 10. STABILITY AND REACTIVITY

- 10.1 Reactivity : No dangerous reaction known under conditions of normal use.
- 10.2 Chemical stability : This product is stable under normal conditions of storage.
- 10.3 Possibility of hazardous reactions : Hazardous reactions will not occur.
- 10.4 Conditions to avoid : Heat, flames and sparks
- 10.5 Incompatible materials : Strong acids and strong oxidizing agents
- 10.6 Hazardous decomposition products : No data available

# MATERIAL SAFETY DATA SHEET:



## SAFETY DATA SHEET

RHINOZ Flexi Sand (Part-B)

Product code. RF-224

Revision date. 11/11/2022

### 11. TOXICOLOGICAL INFORMATION

#### 11.1 Information on likely routes of exposure

Skin contact, eye contact and inhalation.

#### 11.2 Symptoms related to the physical, chemical and toxicological characteristics

Inhalation	:	Harmful if inhaled.
Skin contact	:	Causes skin irritation.
Eye contact	:	Causes serious eye irritation.
Ingestion	:	May be harmful if swallowed.

#### 11.3 Delayed and immediate effects and also chronic effects from short and long term exposure

Skin corrosion/irritation	:	Causes skin irritation
Serious eye damage/irritation	:	Causes serious eye irritation
Respiratory or skin sensitization	:	May cause allergy or asthma symptoms or breathing difficulties if inhaled
Gen cell mutagenicity	:	No data available
Carcinogenicity	:	No data available
Reproductive toxicity	:	No data available
STOT-Single exposure	:	May cause respiratory irritation or drowsiness or dizziness
STOT-Repeated exposure	:	May cause damage to respiratory system through prolonged or repeated exposure
Aspiration toxicity	:	May be fatal if swallowed and enters airways

#### 11.4 Numerical measure of toxicity

No data available

### 12. ECOLOGICAL INFORMATION

12.1 Ecotoxicity	:	Harmful to aquatic life with long lasting effects.
12.2 Persistence and degradability	:	No data available
12.3 Bioaccumulative potential	:	No data available
12.4 Mobility in soil	:	No data available
12.5 Other adverse effects	:	Avoid release to the environment

### 13. DISPOSAL CONSIDERATIONS

#### 13.1 Waste treatment methods

This material and its container must be disposed of in a safe way. Do not allow material into any sewer on the ground, or into any body of water. Dispose of contents/container in accordance with local/regional/nation/international regulations, or send to a licensed waste management company.

# MATERIAL SAFETY DATA SHEET:



## SAFETY DATA SHEET

RHINOZ Flexi Sand (Part-B)

Product code: RF-224

Revision date: 11/11/2022

### 14. TRANSPORT INFORMATION

This product is classified as dangerous goods for transport according to ADR/RID, IMO/IMDG and IATA/ICAO regulations.



14.1 UN number	:	UN 1263
14.2 UN proper shipping name	:	Paint
14.3 Transport hazard class	:	3
14.4 Packing group	:	III
14.5 Environmental hazards	:	No data available
14.6 Special precautions for user	:	No data available
14.7 Transport in bulk according to Annex II of MAROL 73/78 and IBC code	:	Not applicable

### 15. REGULATORY INFORMATION

#### 15.1 Safety, health and environmental regulations/legislation specific for the substance or mixture

No data available

### 16. OTHER INFORMATION

#### 16.1 Revision history

Revision date	:	11 November 2022
Reason for revision	:	Updated information compliant with GHS standard

#### 16.2 Definitions and abbreviations

ACGIH	:	American Conference of Governmental Industrial Hygienists
ADR/RID	:	European Agreement for transport of dangerous goods by road (ADR) and by rail (RID)
GHS	:	Global Harmonized System of Classification and Labeling of Chemicals
IATA	:	International Air Transport Association
ICAO	:	International Civil Aviation Organization
IMO	:	International Maritime Organization
IMDG	:	International Maritime Dangerous Goods
LC50	:	Lethal Concentration, 50 percent
LD50	:	Lethal Dose, 50 percent
Mppcf	:	Million particles per cubic foot of air
OEL	:	Occupational Exposure Limit
OSHA	:	Occupational Safety and Health Administration
PEL	:	Permissible Exposure Limit
STOT	:	Specific Target Organ Toxicity
TLV	:	Threshold Limit Value
TWA	:	Time Weighted Average

# MATERIAL SAFETY DATA SHEET:



## **SAFETY DATA SHEET**

**RHINOZ Flexi Sand (Part-B)**

Product code: RF-224  
Revision date: 11/11/2022

---

### **16.3 Disclaimer**

The above information is believed to be correct but does not purport to be all inclusive and shall be used only as a guide. The information in this document is based on the present state of our knowledge and is applicable to the product with regard to appropriate safety precautions. It does not represent any guarantee of the properties of the product. We will not be held liable for any damage resulting from handling or from contact with the above product.

# MATERIAL SAFETY DATA SHEET:



## SAFETY DATA SHEET

RHINOZ Flexi Sand (Part-C)

Product code. RF-224

Revision date. 11/11/2022

### 1. IDENTIFICATION OF THE SUBSTANCE / MIXTURE AND OF THE SUPPLIER

#### 1.1 Product Identifier

Product name : RHINOZ Flexi Sand (Part-C)

#### 1.2 Recommended use of the chemical and restrictions on use

Recommended use : Solvent-based decorative textured paint

#### 1.3 Manufacturer or supplier's details

Manufacturer : Blue Label Co.,Ltd.  
48/58 Moo.1 Ekachai Road, Khok-krabue,  
Amphur Muang, Samutsakhon, 74000 Thailand  
Telephone. +66 3449 4774-5 Telefax. +66 3449 4776

#### 1.4 Emergency telephone number

Product information : +66 3449 4774-5

### 2. HAZARDS IDENTIFICATION

#### 2.1 GHS Classification of the substrate or mixture

Not classified as a hazardous substance or mixture according to the Globally Harmonized System (GHS).

#### 2.2 GHS label elements

Pictograms : None

Signal word : None

Hazard statements : None

Precautionary statements : None

#### 2.3 Other hazards which do not result in classification

None known

### 3. COMPOSITION / INFORMATION ON INGREDIENTS

Substance / Mixture : Mixture

Chemical name	CAS Number	% Weight
Quartz ( Contains <1% respirable quartz )	14808-60-7	>99

### 4. FIRST AID MEASURES

#### 4.1 Description of first aid measures

Inhalation : Remove person to fresh air and keep at rest in a position comfortable for breathing.

Eye contact : Immediately rinse eyes with plenty of water for at least 15 minutes. If easy to do, remove contact lenses, if worn. Get medical attention if irritation persists.

Skin contact : No special first aid measures necessary.

Ingestion : No first aid measures required.



# MATERIAL SAFETY DATA SHEET:



## SAFETY DATA SHEET

RHINOZ Flexi Sand (Part-C)

Product code. RF-224

Revision date. 11/11/2022

### 4.2 Most important symptoms and effects, both acute and delayed

No acute and delayed symptoms and effects are observed.

### 4.3 Indication of any immediate medical attention and special treatment needed

No data available

## 5. FIRE FIGHTING MEASURES

### 5.1 Suitable extinguishing media

Use extinguishing measures that are appropriate to local circumstances and the surrounding environment.

### 5.2 Specific hazards arising from the chemical

Non combustible. No hazardous thermal decomposition.

### 5.3 Special protective equipment and precautions for fire-fighters

No specific fire-fighting protection is required.

## 6. ACCIDENTAL RELEASE MEASURES

### 6.1 Personal precautions

Avoid airborne dust generation, wear personal protective equipment in compliance with nation legislation.

### 6.2 Environmental precautions

No special requirements.

### 6.3 Methods and materials for containment and cleaning up

Avoid dry sweeping and use water spraying or vacuum cleaning systems to prevent airborne dust generation.

Wear personal protective equipment in compliance with nation legislation.

## 7. HANDLING AND STORAGE

### 7.1 Precautions for safe handling

Provide good ventilation. Avoid causing dust and inhalation of dust, avoid contact with eyes. Use personal protective equipment recommended in section 8 and wash thoroughly after handling.

### 7.2 Conditions for safe storage, including any incompatibilities

Store in a dry and well-ventilated place, keep container tightly closed when not in use.

## 8. EXPOSURE CONTROLS / PERSONAL PROTECTION

### 8.1 Control parameters

No occupational exposure limit values established.

### 8.2 Engineering controls

Ensure adequate ventilation, especially in confined areas.

### 8.3 Personal protective equipment (PPE)

Skin protection : Wear chemical resistance gloves and appropriate protective clothing and boots as required to prevent skin contact.

Eye protection : Wear chemical goggles and/or face shields as required to prevent potential eye

# MATERIAL SAFETY DATA SHEET:



## SAFETY DATA SHEET

RHINOZ Flexi Sand (Part-C)

Product code. RF-224

Revision date. 11/11/2022

	contact, irritation or injury.
Respiratory protection	: Wear dust mask or the suitable mask when encounter concentrations of contaminants.
Hygiene measures	: Wash hands before breaks and at the end of workday. Remove and wash contaminated clothing before re-use. When using do not eat, drink or smoke.

### 9. PHYSICAL AND CHEMICAL PROPERTIES

9.1 Appearance	: Solid, granular
9.2 Odour	: Odourless
9.3 Odour threshold	: No data available
9.4 pH	: No data available
9.5 Melting point/freezing point	: No data available
9.6 Boiling point/boiling range	: No data available
9.7 Flash point	: No data available
9.8 Evaporation rate	: No data available
9.9 Flammability (solid, gas)	: No data available
9.10 Upper/Lower explosive limits	: No data available
9.11 Vapour pressure	: No data available
9.12 Vapour density	: No data available
9.13 Relative density	: 1.50 - 1.60
9.14 Solubility (in water)	: No data available
9.15 Partition coefficient : n-octanol/water	: No data available
9.16 Auto-ignition temperature	: No data available
9.17 Decomposition temperature	: No data available
9.18 Viscosity	: No data available

### 10. STABILITY AND REACTIVITY

10.1 Reactivity	: Not reactive
10.2 Chemical stability	: This product is stable under normal conditions of storage
10.3 Possibility of hazardous reactions	: Hazardous reactions will not occur
10.4 Conditions to avoid	: Not relevant
10.5 Incompatible materials	: No particular incompatibility
10.6 Hazardous decomposition products	: Not relevant

### 11. TOXICOLOGICAL INFORMATION

#### 11.1 Information on likely routes of exposure

Eye contact and inhalation.

#### 11.2 Symptoms related to the physical, chemical and toxicological characteristics

Inhalation	: May cause respiratory tract irritation.
Skin contact	: No known significant effects or critical hazards.
Eye contact	: Direct contact with eyes may cause temporary irritation.
Ingestion	: No specific data

# MATERIAL SAFETY DATA SHEET:



## SAFETY DATA SHEET

RHINOZ Flexi Sand (Part-C)

Product code. RF-224

Revision date. 11/11/2022

### 11.3 Delayed and immediate effects and also chronic effects from short and long term exposure

Skin corrosion/irritation	: No data available
Serious eye damage/irritation	: Direct contact with eyes may cause temporary irritation.
Respiratory or skin sensitization	: No data available
Gen cell mutagenicity	: No data available
Carcinogenicity	: No data available
Reproductive toxicity	: No data available
STOT-Single exposure	: No data available
STOT-Repeated exposure	: No data available
Aspiration toxicity	: No data available

### 11.4 Numerical measure of toxicity

Acute toxicity	: No data available
----------------	---------------------

## 12. ECOLOGICAL INFORMATION

12.1 Ecotoxicity	: No data available
12.2 Persistence and degradability	: No data available
12.3 Bioaccumulative potential	: No data available
12.4 Mobility in soil	: No data available
12.5 Other adverse effects	: No data available

## 13. DISPOSAL CONSIDERATIONS

### 13.1 Waste treatment methods

Waste from residues/unused products

Where possible, recycling is preferable to disposal. Can be disposed of in compliance with local regulations.

## 14. TRANSPORT INFORMATION

This product is not classified as dangerous goods for transport according to ADR/RID, IMO/IMDG and IATA/ICAO regulations.

14.1 UN Number	: Not regulated
14.2 UN Proper Shipping Name	: Not regulated
14.3 Transport Hazard Class	: Not classified
14.4 Packing Group	: Not regulated
14.5 Environmental hazards	: No
14.6 Special precautions for user	: Not special precautions
14.7 Transport in bulk according to Annex II of MAROL 73/78 and IBC code	: Not relevant

## 15. REGULATORY INFORMATION

### 15.1 Safety, health and environmental regulations/legislation specific for the substance or mixture

No data available

# MATERIAL SAFETY DATA SHEET:



## SAFETY DATA SHEET

RHINOZ Flexi Sand (Part-C)

Product code: RF-224

Revision date: 11/11/2022

### 16. OTHER INFORMATION

#### 16.1 Revision history

Revision date : 11 November 2022  
Reason for revision : Updated information compliant with GHS standard

#### 16.2 Definitions and abbreviations

ACGIH : American Conference of Governmental Industrial Hygienists  
ADR/RID : European Agreement for transport of dangerous goods by road (ADR) and by rail (RID)  
GHS : Global Harmonized System of Classification and Labeling of Chemicals  
IATA : International Air Transport Association  
ICAO : International Civil Aviation Organization  
IMO : International Maritime Organization  
IMDG : International Maritime Dangerous Goods  
LC50 : Lethal Concentration, 50 percent  
LD50 : Lethal Dose, 50 percent  
Mppcf : Million particles per cubic foot of air  
OEL : Occupational Exposure Limit  
OSHA : Occupational Safety and Health Administration  
PEL : Permissible Exposure Limit  
TLV : Threshold Limit Value  
TWA : Time Weighted Average

#### 16.3 Disclaimer

The above information is believed to be correct but does not purport to be all inclusive and shall be used only as a guide. The information in this document is based on the present state of our knowledge and is applicable to the product with regard to appropriate safety precautions. It does not represent any guarantee of the properties of the product. We will not be held liable for any damage resulting from handling or from contact with the above product.

# MATERIAL SAFETY DATA SHEET:



## SAFETY DATA SHEET

RHINOZ Alu-Fix (Part-A)

Product code. RF-260

Revision date. 11/11/2022

### 1. IDENTIFICATION OF THE SUBSTANCE / MIXTURE AND OF THE SUPPLIER

#### 1.1 Product Identifier

Product name : BESBOND Alu-Fix (Part-A)

#### 1.2 Recommended use of the chemical and restrictions on use

Recommended use : Epoxy Adhesive

#### 1.3 Manufacturer or supplier's details

Manufacturer : Blue Label Co.,Ltd.  
48/58 Moo.1 Ekachai Road, Khok-krabue,  
Amphur Muang, Samutsakhon, 74000 Thailand  
Telephone. +66 3449 4774-5 Telefax. +66 3449 4776

#### 1.4 Emergency telephone number



Product information : +66 3449 4774-5

### 2. HAZARDS IDENTIFICATION

#### 2.1 GHS Classification of the substrate or mixture

Skin corrosion/irritation : Category 2  
Serious eye damage/eye irritation : Category 2A  
Skin sensitizer : Category 1  
Long-term hazards to the aquatic environment : Category 2

#### 2.2 GHS label elements

Pictograms :  

Signal word : WARNING

#### Hazard statements

H315 Causes skin irritation.  
H317 May cause an allergic skin reaction.  
H319 Causes serious eye irritation.  
H411 Toxic to aquatic life with long lasting effects.

#### Precautionary statements : Prevention

P261 Avoid breathing dust/fume/gas/mist/vapours/spray.  
P264 Wash skin thoroughly after handling.  
P272 Contaminated work clothing should not be allowed out of the workplace.  
P273 Avoid release to the environment.  
P280 Wear protective gloves/protective clothing/eye protection/face protection.

#### Response

P302+P352 IF ON SKIN : Wash with plenty of soap and water.  
P305+P351+P338 IF IN EYES : Rinse cautiously with water for several minutes. Remove contact lenses, if present and easy to do. Continue rinsing.  
P333+P313 IF skin irritation or rash occurs : Get medical advice/attention.

# MATERIAL SAFETY DATA SHEET:



## SAFETY DATA SHEET

RHINOZ Alu-Fix (Part-A)

Product code. RF-260

Revision date. 11/11/2022

P337+P313	IF eye irritation persists : Get medical advice/attention.
P362+P364	Take off contaminated clothing and wash before reuse.
P391	Collect spillage.
	<b>Disposal</b>
P501	Dispose of contents/container in accordance with local/regional/national/international regulations.

### 2.3 Other hazards which do not result in classification

None known

## 3. COMPOSITION / INFORMATION ON INGREDIENTS

Substance/Mixture : Mixture

Chemical name	CAS Number	% Weight
Reaction product : Bisphenol-A-(epichlorohydrin) epoxy resin (MW <sub>≤</sub> 700)	25068-38-6	100

## 4. FIRST AID MEASURES

### 4.1 Description of first aid measures

Inhalation	: Remove person to fresh air and keep at rest in a position comfortable for breathing. Get medical attention if you feel unwell.
Skin contact	: Immediately wash skin with soap and plenty of water. Remove and wash contaminated clothing before reuse. Get medical attention if irritation develops and persists.
Eye contact	: Immediately rinse eyes with plenty of water for at least 15 minutes. If easy to do, remove contact lenses, if worn. Get medical attention immediately.
Ingestion	: If swallowed, do not induce vomiting. Never give anything by mouth to an unconscious person. Rinse mouth with clean water and get medical attention immediately.

### 4.2 Most important symptoms and effects, both acute and delayed

Inhalation	: No known significant effects or critical hazards.
Skin contact	: Causes skin irritation. May cause an allergic skin reaction.
Eye contact	: Causes serious eye irritation.
Ingestion	: May be irritating to mouth, throat and stomach.

### 4.3 Indication of any immediate medical attention and special treatment needed

Note to physicians : Treat symptomatically.

## 5. FIRE FIGHTING MEASURES

### 5.1 Suitable extinguishing media

Use extinguishing measures that are appropriate to local circumstances and the surrounding environment.

### 5.2 Specific hazards arising from the chemical

No specific fire or explosion hazard.

### 5.3 Special protective equipment and precautions for fire-fighters

In case of fire, firefighters should wear self-contained breathing apparatus (SCBA) and protective suit.



# MATERIAL SAFETY DATA SHEET:



## SAFETY DATA SHEET

RHINOZ Alu-Fix (Part-A)

Product code. RF-260

Revision date. 11/11/2022

### 6. ACCIDENTAL RELEASE MEASURES

#### 6.1 Personal precautions

Avoid contact with skin and eyes. Use appropriate personal protective equipment ( see section 8.)  
Isolate the hazard area and deny entry to unnecessary or unprotected personnel.

#### 6.2 Environmental precautions

Prevent entry to sewers, ditches and waterways.

#### 6.3 Methods and materials for containment and cleaning up

Collect spillage in a suitable container, seal securely for disposal according to local regulations.

### 7. HANDLING AND STORAGE

#### 7.1 Precautions for safe handling

Provide good ventilation. Do not breathe vapours or spray mist. Avoid contact with skin and eyes. Use appropriate personal protective equipment recommended in section 8 and wash thoroughly after handling.

#### 7.2 Conditions for safe storage, including any incompatibilities

Store in a dry, cool and well-ventilated place, keep container tightly closed when not in use and protect from incompatible materials. Keep away from direct sunlight and heat, recommended storage is between 5°C to 40°C.

### 8. EXPOSURE CONTROLS / PERSONAL PROTECTION

#### 8.1 Control parameters

No occupational exposure limit values established.

#### 8.2 Engineering controls

Ensure adequate ventilation, especially in confined areas.

#### 8.3 Personal protective equipment (PPE)

- |                        |   |   |
|------------------------|---|---|
| Skin protection        | : | Wear chemical resistance gloves and appropriate protective clothing and boots as required to prevent skin contact.                              |
| Eye protection         | : | Wear chemical goggles and/or face shields as required to prevent potential eye contact, irritation or injury.                                   |
| Respiratory protection | : | Wear respiratory protection when encounter concentrations of contaminants and there is inadequate ventilation.                                  |
| Hygiene measures       | : | Wash hands before breaks and at the end of workday. Remove and wash contaminated clothing before re-use. When using do not eat, drink or smoke. |

### 9. PHYSICAL AND CHEMICAL PROPERTIES

- |                                  |   |                   |
|----------------------------------|---|-------------------|
| 9.1 Appearance                   | : | Clear liquid      |
| 9.2 Odour                        | : | No data available |
| 9.3 Odour threshold              | : | No data available |
| 9.4 pH                           | : | No data available |
| 9.5 Melting point/freezing point | : | No data available |

# MATERIAL SAFETY DATA SHEET:



## SAFETY DATA SHEET

RHINOZ Alu-Fix (Part-A)

Product code: RF-260

Revision date: 11/11/2022

9.6 Boiling point/boiling range	:	No data available
9.7 Flash point	:	No data available
9.8 Evaporation rate	:	No data available
9.9 Flammability (solid, gas)	:	No data available
9.10 Upper/Lower explosive limits	:	No data available
9.11 Vapour pressure	:	No data available
9.12 Vapour density	:	No data available
9.13 Relative density	:	1.00 – 1.10
9.14 Solubility (in water)	:	No data available
9.15 Partition coefficient : n-octanol/water	:	No data available
9.16 Auto-ignition temperature	:	No data available
9.17 Decomposition temperature	:	No data available
9.18 Viscosity	:	No data available

### 10. STABILITY AND REACTIVITY

10.1 Reactivity	:	No dangerous reaction known under conditions of normal use.
10.2 Chemical stability	:	This product is stable under normal conditions of storage.
10.3 Possibility of hazardous reactions	:	Hazardous reactions will not occur.
10.4 Conditions to avoid	:	Heat and direct sunlight.
10.5 Incompatible materials	:	No data available
10.6 Hazardous decomposition products	:	No data available

### 11. TOXICOLOGICAL INFORMATION

#### 11.1 Information on likely routes of exposure

Skin contact and eye contact.

#### 11.2 Symptoms related to the physical, chemical and toxicological characteristics

Inhalation	:	No known significant effects or critical hazards.
Skin contact	:	Causes skin irritation. May cause an allergic skin reaction.
Eye contact	:	Causes serious eye irritation.
Ingestion	:	May be irritating to mouth, throat and stomach.

#### 11.3 Delayed and immediate effects and also chronic effects from short and long term exposure

Skin corrosion/irritation	:	Causes skin irritation
Serious eye damage/irritation	:	Causes serious eye damage
Respiratory or skin sensitization	:	May cause an allergic skin reaction
Gen cell mutagenicity	:	No data available
Carcinogenicity	:	No data available
Reproductive toxicity	:	No data available
STOT-Single exposure	:	May cause respiratory irritation
STOT-Repeated exposure	:	No data available
Aspiration toxicity	:	No data available

# MATERIAL SAFETY DATA SHEET:



## SAFETY DATA SHEET

RHINOZ Alu-Fix (Part-A)

Product code. RF-260

Revision date. 11/11/2022

### 11.4 Numerical measure of toxicity

Acute toxicity estimates : No data available

## 12. ECOLOGICAL INFORMATION

12.1 Ecotoxicity : Toxic to aquatic life with long lasting effects.

#### Components

Reaction product : Bisphenol-A : EC50 – daphnia (48 hours) = 1.8 mg/L  
-(epichlorohydrin) epoxy resin

12.2 Persistence and degradability : No data available

12.3 Bioaccumulative potential : No data available

12.4 Mobility in soil : No data available

12.5 Other adverse effects : Avoid release to the environment

## 13. DISPOSAL CONSIDERATIONS

### 13.1 Waste treatment methods

This material and its container must be disposed of in a safe way. Do not allow material into any sewer on the ground, or into any body of water. Dispose of contents/container in accordance with local/regional/nation/international regulations, or send to a licensed waste management company.

## 14. TRANSPORT INFORMATION

This product is not classified as dangerous goods for transport according to ADR/RID and IATA/ICAO regulations.



### Maritime transport IMDG

14.1 UN number : UN 3082

14.2 UN proper shipping name : ENVIRONMENTALLY HAZARDOUS SUBSTANCE, LIQUID, N.O.S.(epoxy resin)

14.3 Transport hazard class : 9

14.4 Packing group : III

14.5 Environmental hazards : Yes (Marine pollutant)

14.6 Special precautions for user : No data available

14.7 Transport in bulk according to Annex II : Not applicable  
of MAROL 73/78 and IBC code

## 15. REGULATORY INFORMATION

### 15.1 Safety, health and environmental regulations/legislation specific for the substance or mixture

No data available

# MATERIAL SAFETY DATA SHEET:



## SAFETY DATA SHEET

RHINOZ Alu-Fix (Part-A)

Product code: RF-260

Revision date: 11/11/2022

### 16. OTHER INFORMATION

#### 16.1 Revision history

Revision date : 11 November 2022  
Reason for revision : Updated information compliant with GHS standard

#### 16.2 Definitions and abbreviations

ACGIH : American Conference of Governmental Industrial Hygienists  
ADR/RID : European Agreement for transport of dangerous goods by road (ADR) and by rail (RID)  
GHS : Global Harmonized System of Classification and Labeling of Chemicals  
IATA : International Air Transport Association  
ICAO : International Civil Aviation Organization  
IMO : International Maritime Organization  
IMDG : International Maritime Dangerous Goods  
LC50 : Lethal Concentration, 50 percent  
LD50 : Lethal Dose, 50 percent  
Mppcf : Million particles per cubic foot of air  
OEL : Occupational Exposure Limit  
OSHA : Occupational Safety and Health Administration  
PEL : Permissible Exposure Limit  
STOT : Specific Target Organ Toxicity  
TLV : Threshold Limit Value  
TWA : Time Weighted Average

#### 16.3 Disclaimer

The above information is believed to be correct but does not purport to be all inclusive and shall be used only as a guide. The information in this document is based on the present state of our knowledge and is applicable to the product with regard to appropriate safety precautions. It does not represent any guarantee of the properties of the product. We will not be held liable for any damage resulting from handling or from contact with the above product.

# MATERIAL SAFETY DATA SHEET:



## SAFETY DATA SHEET

RHINOZ Alu-Fix (Part-B)

Product code. RF-260

Revision date. 11/11/2022

### 1. IDENTIFICATION OF THE SUBSTANCE / MIXTURE AND OF THE SUPPLIER

#### 1.1 Product Identifier

Product name : RHINOZ Alu-Fix (Part-B)

#### 1.2 Recommended use of the chemical and restrictions on use

Recommended use : Epoxy adhesive (hardener)

#### 1.3 Manufacturer or supplier's details

Manufacturer : Blue Label Co.,Ltd.  
48/58 Moo.1 Ekachai Road, Khok-krabue,  
Amphur Muang, Samutsakhon, 74000 Thailand  
Telephone. +66 3449 4774-5 Telefax. +66 3449 4776

#### 1.4 Emergency telephone number

Product information : +66 3449 4774-5

### 2. HAZARDS IDENTIFICATION

#### 2.1 GHS Classification of the substrate or mixture

Acute toxicity-Oral : Category 4  
Skin corrosion/irritation : Category 1  
Serious eye damage/eye irritation : Category 1  
Skin sensitizer : Category 1  
Long-term hazards to the aquatic environment : Category 3

#### 2.2 GHS label elements

Pictograms :

Signal word : DANGER

Hazard statements :

H302 Harmful if swallowed.  
H314 Cause severe skin burns and eye damage.  
H317 May cause an allergic skin reaction.  
H412 Harmful to aquatic life with long lasting effects.

Precautionary statements : **Prevention**

P261 Avoid breathing dust/fume/gas/mist/vapours/spray.  
P264 Wash skin thoroughly after handling.  
P272 Contaminated work clothing should not be allowed out of the workplace.  
P273 Avoid release to the environment.  
P280 Wear protective gloves/protective clothing/eye protection/face protection.

**Response**

P301+P330+P331+P312 IF SWALLOWED : Rinse mouth. Do not induce vomiting. Call a poison center/doctor if you fell unwell.

# MATERIAL SAFETY DATA SHEET:



## SAFETY DATA SHEET

RHINOZ Alu-Fix (Part-B)

Product code. RF-260

Revision date. 11/11/2022

P303+P361+P353	IF ON SKIN (or hair) : Remove/Take off immediately all contaminated clothing. Rinse skin with water/shower.
P304+P340+P310	IF INHALED : Remove person to fresh air and keep comfortable for breathing. Call a poison center or doctor/physician if you feel unwell.
P305+P351+P338+P310	IF IN EYES : Rinse cautiously with water for several minutes. Remove contact lenses, if present and easy to do. Continue rinsing. Immediately call a poison center or doctor.
P333+P313	IF skin irritation or rash occurs : Get medical advice/attention.
P363	Wash contaminated clothing before reuse.
P391	Collect spillage.
	<b>Storage</b>
P405	Store locked up.
	<b>Disposal</b>
P501	Dispose of contents/container in accordance with local/regional/national/international regulations.

### 2.3 Other hazards which do not result in classification

None known

## 3. COMPOSITION / INFORMATION ON INGREDIENTS

Substance/Mixture : Mixture

Chemical name	CAS Number	% Weight
Polyamine adduct	-	40 - 60
Fatty acids, C18-unsaturated, dimers, polymers with tall oil fatty acids and tetraethylene pentamine	103758-98-1	10 - 30
Benzyl alcohol	100-51-6	20 - 40
N,N-dimethyl-1,3-diaminopropan	109-55-7	1 - 5

## 4. FIRST AID MEASURES

### 4.1 Description of first aid measures

Inhalation	: Remove person to fresh air and keep at rest in a position comfortable for breathing. Get medical attention if you feel unwell.
Skin contact	: Immediately wash skin with soap and plenty of water. Remove and wash contaminated clothing before reuse. Get medical attention if irritation develops and persists.
Eye contact	: Immediately rinse eyes with plenty of water for at least 15 minutes. If easy to do, remove contact lenses, if worn. Get medical attention immediately.
Ingestion	: If swallowed, do not induce vomiting. Never give anything by mouth to an unconscious person. Rinse mouth with clean water and get medical attention immediately.

### 4.2 Most important symptoms and effects, both acute and delayed

Inhalation	: Irritations of the mucous membranes, coughing and dyspnoea.
Skin contact	: Causes severe skin burns. May cause an allergic skin reaction.
Eye contact	: Causes serious eye damage and burns.
Ingestion	: Harmful if swallowed. Burns in mouth, throat and gastrointestinal tract.

Page 2/7



# MATERIAL SAFETY DATA SHEET:



## SAFETY DATA SHEET

RHINOZ Alu-Fix (Part-B)

Product code. RF-260

Revision date. 11/11/2022

### 4.3 Indication of any immediate medical attention and special treatment needed

No data available

## 5. FIRE FIGHTING MEASURES

### 5.1 Suitable extinguishing media

Use extinguishing measures that are appropriate to local circumstances and the surrounding environment.

### 5.2 Specific hazards arising from the chemical

Combustible. Development of hazardous combustion gases or vapours possible in the event of fire.

### 5.3 Special protective equipment and precautions for fire-fighters

In case of fire, firefighters should wear self-contained breathing apparatus (SCBA) and protective suit.

## 6. ACCIDENTAL RELEASE MEASURES

### 6.1 Personal precautions

Avoid contact with skin and eyes. Use appropriate personal protective equipment ( see section 8.)

Isolate the hazard area and deny entry to unnecessary or unprotected personnel.

### 6.2 Environmental precautions

Prevent entry to sewers, ditches and waterways.

### 6.3 Methods and materials for containment and cleaning up

Collect spillage in a suitable container, seal securely for disposal according to local regulations.

## 7. HANDLING AND STORAGE

### 7.1 Precautions for safe handling

Provide good ventilation. Do not breathe vapours or spray mist. Avoid contact with skin and eyes. Use appropriate personal protective equipment recommended in section 8 and wash thoroughly after handling.

### 7.2 Conditions for safe storage, including any incompatibilities

Store in a dry, cool and well-ventilated place, keep container tightly closed when not in use and protect from incompatible materials. Keep away from direct sunlight and heat, recommended storage is between 5°C to 40°C.

## 8. EXPOSURE CONTROLS / PERSONAL PROTECTION

### 8.1 Control parameters

No occupational exposure limit values established.

### 8.2 Engineering controls

Ensure adequate ventilation, especially in confined areas.

### 8.3 Personal protective equipment (PPE)

Skin protection : Wear chemical resistance gloves and appropriate protective clothing and boots.

Eye protection : Wear chemical goggles and/or face shields.

Respiratory protection : Wear the suitable mask when encounter concentrations of contaminants and there is inadequate ventilation.

# MATERIAL SAFETY DATA SHEET:



## SAFETY DATA SHEET

RHINOZ Alu-Fix (Part-B)

Product code: RF-260

Revision date: 11/11/2022

Hygiene measures : Wash hands before breaks and at the end of workday. Remove and wash contaminated clothing before re-use. When using do not eat, drink or smoke.

### 9. PHYSICAL AND CHEMICAL PROPERTIES

9.1 Appearance	: Light brown liquid
9.2 Odour	: No data available
9.3 Odour threshold	: No data available
9.4 pH	: No data available
9.5 Melting point/freezing point	: No data available
9.6 Boiling point/boiling range	: No data available
9.7 Flash point	: No data available
9.8 Evaporation rate	: No data available
9.9 Flammability (solid, gas)	: No data available
9.10 Upper/Lower explosive limits	: No data available
9.11 Vapour pressure	: No data available
9.12 Vapour density	: No data available
9.13 Relative density	: 1.00 - 1.10
9.14 Solubility (in water)	: No data available
9.15 Partition coefficient : n-octanol/water	: No data available
9.16 Auto-ignition temperature	: No data available
9.17 Decomposition temperature	: No data available
9.18 Viscosity	: No data available

### 10. STABILITY AND REACTIVITY

10.1 Reactivity	: No dangerous reaction known under conditions of normal use.
10.2 Chemical stability	: This product is stable under normal conditions of storage.
10.3 Possibility of hazardous reactions	: Hazardous reactions will not occur.
10.4 Conditions to avoid	: Heat, flames and sparks
10.5 Incompatible materials	: Strong acids and strong oxidizing agents
10.6 Hazardous decomposition products	: No data available

### 11. TOXICOLOGICAL INFORMATION

#### 11.1 Information on likely routes of exposure

Inhalation, skin contact, eye contact and ingestion.

#### 11.2 Symptoms related to the physical, chemical and toxicological characteristics

Inhalation	: Irritations of the mucous membranes, coughing and dyspnoea.
Skin contact	: Causes severe skin burns. May cause an allergic skin reaction.
Eye contact	: Causes serious eye damage and burns.
Ingestion	: Harmful if swallowed. Burns in mouth, throat and gastrointestinal tract.

# MATERIAL SAFETY DATA SHEET:



## SAFETY DATA SHEET

RHINOZ Alu-Fix (Part-B)

Product code. RF-260

Revision date. 11/11/2022

### 11.3 Delayed and immediate effects and also chronic effects from short and long term exposure

Skin corrosion/irritation	:	Causes severe skin burns.
Serious eye damage/irritation	:	Causes serious eye damage.
Respiratory or skin sensitization	:	May cause an allergic skin reaction.
Gen cell mutagenicity	:	No data available
Carcinogenicity	:	No data available
Reproductive toxicity	:	No data available
STOT-Single exposure	:	No data available
STOT-Repeated exposure	:	No data available
Aspiration toxicity	:	No data available

### 11.4 Numerical measure of toxicity

Acute toxicity : No data available

#### Components

Benzyl alcohol	:	LD50 Oral (Rat)	1230 mg/kg
	:	LD50 Dermal (Rabbit)	2000 mg/kg

## 12. ECOLOGICAL INFORMATION

12.1 Ecotoxicity : Harmful to aquatic life with long lasting effects.

#### Components

Benzyl alcohol

Aquatic acute toxicity	LC50 – Fish	10 mg/l ( 96 hr.)
	EC50 – Daphnia	55 mg/l ( 24 hr.)

12.2 Persistence and degradability : No data available

12.3 Bioaccumulative potential : No data available

12.4 Mobility in soil : No data available

12.5 Other adverse effects : Avoid release to the environment

## 13. DISPOSAL CONSIDERATIONS

### 13.1 Waste treatment methods

This material and its container must be disposed of in a safe way. Do not allow material into any sewer on the ground, or into any body of water. Dispose of contents/container in accordance with local/regional/nation/international regulations, or send to a licensed waste management company.

# MATERIAL SAFETY DATA SHEET:



## SAFETY DATA SHEET

RHINOZ Alu-Fix (Part-B)

Product code. RF-260

Revision date. 11/11/2022

### 14. TRANSPORT INFORMATION

This product is classified as dangerous goods for transport according to ADR/RID, IMO/IMDG and IATA/ICAO regulations.



14.1 UN number	:	UN 2735
14.2 UN proper shipping name	:	AMINES, LIQUID, CORROSIVE, N.O.S., mixture
14.3 Transport hazard class	:	8
14.4 Packing group	:	III
14.5 Environmental hazards	:	No
14.6 Special precautions for user	:	No data available
14.7 Transport in bulk according to Annex II of MAROL 73/78 and IBC code	:	Not applicable

### 15. REGULATORY INFORMATION

#### 15.1 Safety, health and environmental regulations/legislation specific for the substance or mixture

No data available

### 16. OTHER INFORMATION

#### 16.1 Revision history

Revision date	:	11 November 2022
Reason for revision	:	Updated information compliant with GHS standard

#### 16.2 Definitions and abbreviations

ACGIH	:	American Conference of Governmental Industrial Hygienists
ADR/RID	:	European Agreement for transport of dangerous goods by road (ADR) and by rail (RID)
GHS	:	Global Harmonized System of Classification and Labeling of Chemicals
IATA	:	International Air Transport Association
ICAO	:	International Civil Aviation Organization
IMO	:	International Maritime Organization
IMDG	:	International Maritime Dangerous Goods
LC50	:	Lethal Concentration, 50 percent
LD50	:	Lethal Dose, 50 percent
Mppcf	:	Million particles per cubic foot of air
OEL	:	Occupational Exposure Limit
OSHA	:	Occupational Safety and Health Administration
PEL	:	Permissible Exposure Limit
STOT	:	Specific Target Organ Toxicity
TLV	:	Threshold Limit Value
TWA	:	Time Weighted Average

# MATERIAL SAFETY DATA SHEET:



## **SAFETY DATA SHEET**

**RHINOZ Alu-Fix (Part-B)**

Product code. RF-260

Revision date. 11/11/2022

---

### **16.3 Disclaimer**

The above information is believed to be correct but does not purport to be all inclusive and shall be used only as a guide. The information in this document is based on the present state of our knowledge and is applicable to the product with regard to appropriate safety precautions. It does not represent any guarantee of the properties of the product. We will not be held liable for any damage resulting from handling or from contact with the above product.

# MATERIAL SAFETY DATA SHEET:



## SAFETY DATA SHEET

RHINOZ Anti-Stick

Product code. RF-269

Revision date. 11/11/2022

### 1. IDENTIFICATION OF THE SUBSTANCE / MIXTURE AND OF THE SUPPLIER

#### 1.1 Product Identifier

Product name : RHINOZ Anti-Stick

#### 1.2 Recommended use of the chemical and restrictions on use

Recommended use : Surface cleaner

#### 1.3 Manufacturer or supplier's details

Manufacturer : Blue Label Co.,Ltd.  
48/58 Moo.1 Ekachai Road, Khok-krabue,  
Amphur Muang, Samutsakhon, 74000 Thailand  
Telephone. +66 3449 4774-5 Telefax. +66 3449 4776

#### 1.4 Emergency telephone number



Product information : +66 3449 4774-5

### 2. HAZARDS IDENTIFICATION

#### 2.1 GHS Classification of the substrate or mixture

Flammable liquids : Category 2  
Serious eye damage/eye irritation : Category 2  
STOT-Single exposure : Category 3 (Central nervous system)

#### 2.2 GHS label elements

Pictograms :  

Signal word : DANGER

Hazard statements :

H225 Highly flammable liquid and vapour.

H319 Causes serious eye irritation.

H336 May cause drowsiness or dizziness.

Precautionary statements : **Prevention**

P210 Keep away from heat/sparks/open flames/hot surfaces. No smoking.

P233 Keep container tightly closed.

P240 Ground and bond container and receiving equipment.

P261 Avoid breathing dust/fume/gas/mist/vapours/spray.

P264 Wash skin thoroughly after handling.

P271 Use only outdoors or in a well-ventilated area.

P273 Avoid release to the environment.

P280 Wear protective gloves/protective clothing/eye protection/face protection.

**Response**

P302+P352 IF ON SKIN : Wash with plenty of soap and water.

P304+P340+P312 IF INHALED : Remove person to fresh air and keep comfortable for breathing.

Call a poison center or doctor/physician if you feel unwell.

Page 1/6



# MATERIAL SAFETY DATA SHEET:



## SAFETY DATA SHEET

RHINOZ Anti-Stick

Product code: RF-269

Revision date: 11/11/2022

P305+P351+P338+P310	IF IN EYES : Rinse cautiously with water for several minutes. Remove contact lenses, if present and easy to do. Continue rinsing. Immediately call a poison center or doctor.
P332+P313	IF skin irritation occurs : Get medical advice/attention.
P362+P364	Take off contaminated clothing and wash it before reuse.
<b>Storage</b>	
P403+P235	Store in a well-ventilated place. Keep cool.
P405	Store locked up.
<b>Disposal</b>	
P501	Dispose of contents/container in accordance with local/regional/national/international regulations.

### 2.3 Other hazards which do not result in classification

None known

## 3. COMPOSITION / INFORMATION ON INGREDIENTS

Substance / Mixture : Mixture

Chemical name	CAS Number	% Weight
Isopropanol	67-63-0	>90
Non-hazardous ingredients and water		to 100

## 4. FIRST AID MEASURES

### 4.1 Description of first aid measures

Inhalation	: Remove person to fresh air and keep at rest in a position comfortable for breathing. Get medical attention if you feel unwell.
Skin contact	: Immediately wash skin with soap and plenty of water. Remove and wash contaminated clothing before reuse. Get medical attention if irritation develops and persists.
Eye contact	: Immediately rinse eyes with plenty of water for at least 15 minutes. If easy to do, remove contact lenses, if worn. Get medical attention immediately.
Ingestion	: If swallowed, do not induce vomiting. Never give anything by mouth to an unconscious person. Rinse mouth with clean water and get medical attention immediately.

### 4.2 Most important symptoms and effects, both acute and delayed

Inhalation	: Sore throat, cough, headache, dizziness, drowsiness.
Skin contact	: Causes skin irritation.
Eye contact	: Causes serious eye irritation.
Ingestion	: May be harmful if swallowed.

### 4.3 Indication of any immediate medical attention and special treatment needed

No data available

# MATERIAL SAFETY DATA SHEET:



## SAFETY DATA SHEET

RHINOZ Anti-Stick

Product code: RF-269

Revision date: 11/11/2022

### 5. FIRE FIGHTING MEASURES

#### 5.1 Suitable extinguishing media

Carbon dioxide, dry chemical powder, or appropriate foam.

#### 5.2 Specific hazards arising from the chemical

Flammable. Risk of ignition. Vapors may form explosive mixtures with air. Vapors may travel to source of ignition and flash back. Containers may explode when heated.

#### 5.3 Special protective equipment and precautions for fire-fighters

In case of fire, firefighters should wear self-contained breathing apparatus (SCBA) and protective suit.

### 6. ACCIDENTAL RELEASE MEASURES

#### 6.1 Personal precautions

Avoid contact with skin and eyes. Use appropriate personal protective equipment ( see section 8.)

Isolate the hazard area and deny entry to unnecessary or unprotected personnel.

#### 6.2 Environmental precautions

Prevent entry to sewers, ditches and waterways.

#### 6.3 Methods and materials for containment and cleaning up

Collect spillage in a suitable container, seal securely for disposal according to local regulations.

### 7. HANDLING AND STORAGE

#### 7.1 Precautions for safe handling

Provide good ventilation. Do not breathe vapours or spray mist. Avoid contact with skin and eyes. Use appropriate personal protective equipment recommended in section 8 and wash thoroughly after handling.

#### 7.2 Conditions for safe storage, including any incompatibilities

Store in a dry, cool and well-ventilated place, keep container tightly closed when not in use and protect from incompatible materials. Keep away from direct sunlight, heat and sources of ignition.

### 8. EXPOSURE CONTROLS / PERSONAL PROTECTION

#### 8.1 Control parameters

No occupational exposure limit values established

#### 8.2 Engineering controls

Ensure adequate ventilation, especially in confined areas.

#### 8.3 Personal protective equipment (PPE)

Skin protection : Wear chemical resistance gloves and appropriate protective clothing and boots.

Eye protection : Wear chemical goggles and/or face shields.

Respiratory protection : Wear the suitable mask when encounter concentrations of contaminants and there is inadequate ventilation.

Hygiene measures : Wash hands before breaks and at the end of workday. Remove and wash contaminated clothing before re-use. When using do not eat, drink or smoke.

# MATERIAL SAFETY DATA SHEET:



## SAFETY DATA SHEET

RHINOZ Anti-Stick

Product code. RF-269

Revision date. 11/11/2022

### 9. PHYSICAL AND CHEMICAL PROPERTIES

9.1 Appearance	: Colourless liquid
9.2 Odour	: No data available
9.3 Odour threshold	: No data available
9.4 pH	: No data available
9.5 Melting point/freezing point	: No data available
9.6 Boiling point/boiling range	: 81 - 83 °C
9.7 Flash point	: 12 °C
9.8 Evaporation rate	: No data available
9.9 Flammability (solid, gas)	: No data available
9.10 Upper/Lower explosive limits	: No data available
9.11 Vapour pressure	: No data available
9.12 Vapour density	: No data available
9.13 Relative density	: 0.80 - 0.90
9.14 Solubility (in water)	: Miscible
9.15 Partition coefficient : n-octanol/water	: No data available
9.16 Auto-ignition temperature	: No data available
9.17 Decomposition temperature	: No data available
9.18 Viscosity	: No data available

### 10. STABILITY AND REACTIVITY

10.1 Reactivity	: No known, based on information available.
10.2 Chemical stability	: This product is stable under normal conditions of storage.
10.3 Possibility of hazardous reactions	: Hazardous reactions will not occur.
10.4 Conditions to avoid	: Heat, flames and sparks
10.5 Incompatible materials	: Strong oxidizing agents. Acids. Halogens. Acid anhydrides.
10.6 Hazardous decomposition products	: Carbon monoxide (CO). Carbon dioxide (CO <sub>2</sub> ). Peroxides.

### 11. TOXICOLOGICAL INFORMATION

#### 11.1 Information on likely routes of exposure

Skin contact, eye contact and inhalation.

#### 11.2 Symptoms related to the physical, chemical and toxicological characteristics

Inhalation	: Sore throat, cough, headache, dizziness, drowsiness.
Skin contact	: Causes skin irritation.
Eye contact	: Causes serious eye irritation.
Ingestion	: May be harmful if swallowed.

#### 11.3 Delayed and immediate effects and also chronic effects from short and long term exposure

Skin corrosion/irritation	: Causes skin irritation
Serious eye damage/irritation	: Causes serious eye irritation
Respiratory or skin sensitization	: No data available

# MATERIAL SAFETY DATA SHEET:



## SAFETY DATA SHEET

RHINOZ Anti-Stick

Product code: RF-269

Revision date: 11/11/2022

Gem cell mutagenicity	:	No data available
Carcinogenicity	:	No data available
Reproductive toxicity	:	No data available
STOT-Single exposure	:	May cause drowsiness or dizziness
STOT-Repeated exposure	:	No data available
Aspiration toxicity	:	No data available

### 11.4 Numerical measure of toxicity

No data available

## 12. ECOLOGICAL INFORMATION

12.1 Ecotoxicity	:	No data available
12.2 Persistence and degradability	:	No data available
12.3 Bioaccumulative potential	:	No data available
12.4 Mobility in soil	:	No data available
12.5 Other adverse effects	:	Avoid release to the environment

## 13. DISPOSAL CONSIDERATIONS

### 13.1 Waste treatment methods

This material and its container must be disposed of in a safe way. Do not allow material into any sewer on the ground, or into any body of water. Dispose of contents/container in accordance with local/regional/nation/international regulations, or send to a licensed waste management company.

## 14. TRANSPORT INFORMATION

This product is classified as dangerous goods for transport according to ADR/RID, IMO/IMDG and IATA/ICAO regulations.



14.1 UN number	:	UN 1219
14.2 UN proper shipping name	:	ISOPROPANOL
14.3 Transport hazard class	:	3
14.4 Packing group	:	II
14.5 Environmental hazards	:	No data available
14.6 Special precautions for user	:	No data available
14.7 Transport in bulk according to Annex II of MAROL 73/78 and IBC code	:	Not applicable

## 15. REGULATORY INFORMATION

### 15.1 Safety, health and environmental regulations/legislation specific for the substance or mixture

No data available

# MATERIAL SAFETY DATA SHEET:



## SAFETY DATA SHEET

RHINOZ Anti-Stick

Product code. RF-269

Revision date. 11/11/2022

### 16. OTHER INFORMATION

#### 16.1 Revision history

Revision date : 11 November 2022  
Reason for revision : Updated information compliant with GHS standard

#### 16.2 Definitions and abbreviations

ACGIH : American Conference of Governmental Industrial Hygienists  
ADR/RID : European Agreement for transport of dangerous goods by road (ADR) and by rail (RID)  
GHS : Global Harmonized System of Classification and Labeling of Chemicals  
IATA : International Air Transport Association  
ICAO : International Civil Aviation Organization  
IMO : International Maritime Organization  
IMDG : International Maritime Dangerous Goods  
LC50 : Lethal Concentration, 50 percent  
LD50 : Lethal Dose, 50 percent  
Mppcf : Million particles per cubic foot of air  
OEL : Occupational Exposure Limit  
OSHA : Occupational Safety and Health Administration  
PEL : Permissible Exposure Limit  
STOT : Specific Target Organ Toxicity  
TLV : Threshold Limit Value  
TWA : Time Weighted Average

#### 16.3 Disclaimer

The above information is believed to be correct but does not purport to be all inclusive and shall be used only as a guide. The information in this document is based on the present state of our knowledge and is applicable to the product with regard to appropriate safety precautions. It does not represent any guarantee of the properties of the product. We will not be held liable for any damage resulting from handling or from contact with the above product.

# PRODUCT TESTING REPORT:



BLUE LABEL CO.,LTD.

48/58 Moo.1 Ekachai Road, Khok-Krabu, Amphur Muang, Samutsakhon, 74000 Thailand  
Tel : +66-34494774-5 Fax : +66-34494776 Website : www.bluelabelgroup.com

## LABORATORY TEST REPORT

Date : 25/3/2022

Subject : Specification & physical properties of RF-224 RHINOZ Flexi Sand

Report no : LTR-22007

Tested by : Anucha

Approved by : Sombat

### Testing result

Specification & Physical properties	Test method	RF-224 RHINOZ Flexi Sand
1. Chemical base	-	(A) Polyaspartic (B) Hardener (C) Sand
2. Appearance	By sight	(A) Yellowish liquid (B) Cloudy liquid (C) Coloured sand
3. Mixing ratio A/B/C (by wt.)	-	1 : 1 : 26
4. Density after mixing (g/cm <sup>3</sup> )	ASTM D1475	1.60
5. Bucket life (min)	-	90
6. Compressive strength @ 7 days (N/mm <sup>2</sup> )	ASTM C109	6.8
7. Flexural strength @ 7 days (N/mm <sup>2</sup> )	ISO 13007-4	4.0
8. Bond strength @ 7 days (N/mm <sup>2</sup> )	ASTM D4541	2.0 failure between Flexi sand and substrate

The data shown are based on laboratory tests only. Actual measured data may vary due to circumstances beyond our control

Page 1 of 4

# PRODUCT TESTING REPORT:



**BLUE LABEL CO.,LTD.**

48/58 Moo.1 Ekachai Road, Khok-Krabu, Amphur Muang, Samutsakhon, 74000 Thailand  
Tel : +66-34494774-5 Fax : +66-34494776 Website : www.bluelabelgroup.com

## LABORATORY TEST REPORT

Date : 25/3/2022

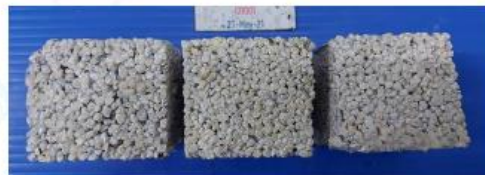
Subject : Specification & physical properties of RF-224 RHINOZ Flexi Sand

Report no : LTR-22007

Tested by : Anucha

Approved by : Sombat

### Compressive Strength ( 6.8 N/mm<sup>2</sup> )



The data shown are based on laboratory tests only. Actual measured data may vary due to circumstances beyond our control

Page 2 of 4



# PRODUCT TESTING REPORT:



**BLUE LABEL CO.,LTD.**

48/58 Moo.1 Ekachai Road, Khok-Krabu, Amphur Muang, Samutsakhon, 74000 Thailand  
Tel : +66-34494774-5 Fax : +66-34494776 Website : www.bluelabelgroup.com

## LABORATORY TEST REPORT

Date : 25/3/2022

Subject : Specification & physical properties of RF-224 RHINOZ Flexi Sand

Report no : LTR-22007

Tested by : Anucha

Approved by : Sombat

### Flexural Strength (4.0 N/mm<sup>2</sup>)



The data shown are based on laboratory tests only. Actual measured data may vary due to circumstances beyond our control

# PRODUCT TESTING REPORT:



BLUE LABEL CO.,LTD.

48/58 Moo.1 Ekachai Road, Khok-Krabu, Amphur Muang, Samutsakhon, 74000 Thailand  
Tel : +66-34494774-5 Fax : +66-34494776 Website : www.bluelabelgroup.com

## LABORATORY TEST REPORT

Date : 25/3/2022

Subject : Specification & physical properties of RF-224 RHINOZ Flexi Sand

Report no : LTR-22007

Tested by : Anucha

Approved by : Sombat

### Bond Strength (2.0 N/mm<sup>2</sup>)



The data shown are based on laboratory tests only. Actual measured data may vary due to circumstances beyond our control

Page 4 of 4

# APPENDIX A: QAP FLYER

## QAP

Qualify Applicator Program



Qualify Applicator Program (QAP) is a training and certifying program for applicators to ensure the application service quality complying with the company standard. With the objective of ensuring satisfaction to customers, the applicators are to fulfill required training, workshop and guidelines to deliver qualified service from job procuring, installation until submission.

### Training Program



Waterproof Solution



Fire off Solution



Floor Solution



Innovative Wall Solution



Textural Decorative Solution

### Benefits of Qualified Applicators

High Standard Professional Application Service  
High Quality Problem Solving Product  
For Customer's Satisfaction

Service provided by specialist in product and application

Service with continuously developing knowledge and skill

Warranty job quality and standard

Special turnkey price

### QAP APPLICANT REQUIREMENT

- Have at least 1 foreman or supervisor and 5 workers with valid license
- Work in the industry for at least 2 years and have sufficient project references
- Available to attend training & workshop as required and promote primarily RHINOZ's products
- Able to follow the working procedure, standard strictly and ensure professional workmanship
- Pass the evaluation from the trainer and fulfill the standard assessment

### APPLICATION PROCESS Submission Procedure

#### 1. Fill up the application form

Applicator that fulfill the initial requirement can fill up the QAP Application Form stating all their fulfilled criteria clearly.

#### 2. Appointment for training & assessment

Applicator who submitted form will be screened and appointed to attend training & workshop. Later, assessment will be carried out accordingly.

#### 3. Approval and certification

Successful applicator will be issued a QAP certificate or member card with validity date.

#### 4. Referral of project

Applicator will start enjoy the benefits of QAP such as marketing support, referral of customer, special discount & rebate and advisory support.



**BLUE LABEL Co.,Ltd.**

48/58 Moo 1 Ekachai rd. Khok-krabue, Mueng,  
Samutsakhon, 74000 THAILAND

Tel: (+66) 34-494-774 [www.bluelabelgroup.com](http://www.bluelabelgroup.com)



**Rhinoz International** 🔍



**bluelabel.innovation** 🔍

# APPENDIX B: APPLICATION FORM



**BLUE LABEL COMPANY LIMITED (HEAD OFFICE)**

48/58, MU 1, Khok Krabue Sub-district,  
Mueang Samut Sakhon District, Samut Sakhon Province, 74000  
Tel: (+66) 34 494 774 Fax: (+66) 34 494 776  
TAX ID: 0-1055-35024-14-6

**TRAINING PROGRAM**

	Solution	Topic	Detail
1	Waterproof	Standard waterproof	Rooftop + Bathroom + Swimming Pool / Pond
2	Innovative Wall	Precast wall	Wall Joint + Crack Repair
3	Innovative Wall	Light weight wall	Wall Joint + Crack Repair
4	Textural Decorative	Floor Decorative	Flexi Sand
5	Textural Decorative	Wall Decorative 1	Sand Stone + Armour Texture
6	Textural Decorative	Wall Decorative 2	Multicolour + Stucco Flex
7	Fire Off	Standard fire off	Sealant + Coating + Mortar
8	Polyaspartic	Waterproof	New installation + Renovation

**QAP APPLICATION FORM**

Company : \_\_\_\_\_ Address: \_\_\_\_\_

Contact name: \_\_\_\_\_ Tel: \_\_\_\_\_ Email: \_\_\_\_\_

Have been in this business at least 2 years?  Yes  No Since: \_\_\_\_\_

Number of manpower for installation : \_\_\_\_\_ foreman(s) \_\_\_\_\_ worker(s) Service area: \_\_\_\_\_

Solution	Topic	Total experience in this solution	Experience with RHINOZ products	Experience with other brand products
Waterproof		year(s)	project(s)	project(s)
Innovative Wall		year(s)	project(s)	project(s)
Textural Decorative		year(s)	project(s)	project(s)
Fire off		year(s)	project(s)	project(s)
Polyaspartic		year(s)	project(s)	project(s)

Name of store/dealer regularly purchase product from : \_\_\_\_\_

- Attachment :  Company registration  
 Tax registration  
 Port folio

Signature \_\_\_\_\_

Position \_\_\_\_\_

Date \_\_\_\_\_

